

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI
SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ
SPILIT**

SINH VIÊN THỰC HIỆN : NGUYỄN VĂN HIẾU

MÃ SINH VIÊN : A16126

CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN-QTKD

HÀ NỘI – 2014

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ SPILIT

Giáo viên hướng dẫn : Th.s Nguyễn Thanh Thủy

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Văn Hiếu

Mã sinh viên : A16126

Chuyên ngành : Kế toán-QTKD

HÀ NỘI – 2014

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian nghiên cứu và hoàn thiện khóa luận, em đã nhận được sự hướng dẫn tận tình và giúp đỡ quý báu của các thầy cô giảng viên trường Đại học Thăng Long và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty cổ phần đá Spilit.

Trước hết em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô giáo, giảng viên trường Đại học Thăng Long, các thầy cô trong bộ môn Kinh tế đã giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập tại trường. Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo, Thạc sỹ Nguyễn Thanh Thủy đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ em trong suốt quá trình làm khóa luận.

Đồng thời em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các bác, các cô, các chú, các anh, các chị trong Công ty cổ phần đá Spilit đã tạo điều kiện cho em có cơ hội thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty để em có thể hoàn thành khóa luận này.

Trong thời gian hoàn thiện khóa luận, mặc dù em đã có nhiều cố gắng xong không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp quý báu từ thầy cô và các bạn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Văn Hiếu

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này!

Sinh viên

Nguyễn Văn Hiếu

MỤC LỤC

Trang

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TSCĐ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	1
1.1 Khái quát chung về tài sản cố định.....	1
<i>1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định.....</i>	<i>1</i>
<i>1.1.1.1 Khái niệm về TSCĐ.....</i>	<i>1</i>
<i>1.1.1.2 Đặc điểm của tài sản cố định</i>	<i>1</i>
<i>1.1.2 Phân loại tài sản cố định.....</i>	<i>2</i>
<i>1.1.2.1 Theo hình thái biểu hiện</i>	<i>2</i>
<i>1.1.2.2 Theo quyền sở hữu</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2.3 Theo nguồn hình thành</i>	<i>4</i>
<i>1.1.2.4 Theo công dụng và tình hình sử dụng.....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.3 Đánh giá tài sản cố định</i>	<i>5</i>
<i>1.1.3.1 Nguyên giá</i>	<i>5</i>
<i>1.1.3.2 Giá trị hao mòn và khấu hao tài sản cố định.....</i>	<i>7</i>
<i>1.1.3.3 Giá trị còn lại</i>	<i>8</i>
1.2 Hạch toán biến động tài sản cố định.....	9
<i>1.2.1 Vai trò và nhiệm vụ của hạch toán tài sản cố định</i>	<i>9</i>
<i>1.2.2 Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>10</i>
<i>1.2.3 Hạch toán chi tiết TSCĐ</i>	<i>13</i>
<i>1.2.3.1 Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>13</i>
<i>1.2.4 Hạch toán tình hình biến động TSCĐ.....</i>	<i>14</i>
<i>1.2.4.1 Hạch toán tăng TSCĐ</i>	<i>14</i>
<i>1.2.4.2 Hạch toán giảm TSCĐ trong DN.....</i>	<i>19</i>
<i>1.2.4.3 Hạch toán thuê TSCĐ</i>	<i>20</i>
<i>1.2.5 Hạch toán khấu hao TSCĐ.....</i>	<i>23</i>
<i>1.2.5.1 Bản chất của khấu hao TSCĐ</i>	<i>23</i>

1.2.5.2 Các phương pháp tính khấu hao	24
1.2.5.3 Hạch toán khấu hao TSCĐ.....	26
1.2.6 Hạch toán sửa chữa TSCĐ.....	26
1.2.7 Hình thức sổ kế toán sử dụng.....	28
1.2.7.1 Hình thức kế toán nhật ký chung	28
1.2.7.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái	29
1.2.7.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	29
1.2.7.4 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	30
1.2.7.5 Hình thức kế toán sử dụng phần mềm kế toán.....	31
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỎ PHẦN ĐÁ SPILIT	33
2.1 Khái quát chung về Công ty CP Đá Spilit.....	33
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển	33
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh.....	34
2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:.....	34
2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp	35
2.1.3 Đặc điểm công tác kế toán tại công ty CP Đá Spilit.....	36
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán.....	36
2.1.3.2 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty CP Đá Spilit.....	38
2.2 Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit	40
2.2.1 Đặc điểm TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit.....	40
2.2.2 Phân loại TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit.....	40
2.2.3 Tài khoản sử dụng.....	41
2.2.4 Chứng từ sử dụng.....	42
2.2.5 Kế toán nghiệp vụ tăng TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit.....	42
2.2.5 Kế toán nghiệp vụ giảm TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit.....	50
2.2.6 Kế toán khấu hao TSCĐ	57
2.2.7 Kế toán sửa chữa TSCĐ hữu hình	61
2.2.7.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ hữu hình.....	61

2.2.7.2 Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ hữu hình.....	64
---	----

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CP ĐÁ SPILIT	78
--	-----------

3.1 Đánh giá chung về công ty CP Đá Spilit.....	78
--	-----------

3.1.1 Điểm mạnh.....	78
----------------------	----

3.1.2 Điểm yếu.....	78
---------------------	----

3.1.3 Cơ hội.....	79
-------------------	----

3.1.4 Thách thức	79
------------------------	----

3.2 Đánh giá khái quát về thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại công ty CP Đá Spilit	79
--	-----------

3.2.1 Những ưu điểm.....	79
--------------------------	----

3.2.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán	79
---	----

3.2.1.2 Về phân loại TSCĐ.....	80
--------------------------------	----

3.2.1.3 Về tổ chức công tác kế toán TSCĐ.....	80
---	----

3.2.2 Một số hạn chế.....	80
---------------------------	----

3.2.2.1 Về trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	80
--	----

3.2.2.2 Về nội dung điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ	81
---	----

3.2.2.3 Về công tác kế toán khấu hao TSCĐ.....	81
--	----

3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ ở công ty CP Đá Spilit	81
--	-----------

3.3.1 Về trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	82
--	----

3.3.2 Về nội dung điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ	83
---	----

3.3.3 Về công tác kế toán khấu hao TSCĐ.....	83
--	----

DANH MỤC VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Tên đầy đủ
BCTC	Báo cáo tài chính
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
DN	Doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TSCĐ	Tài sản cố định
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XDCB	Xây dựng cơ bản

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ, CÔNG THỨC

Trang

Sơ đồ 1.1 Quy trình tổ chức chứng từ	13
Sơ đồ 1.2 Hạch toán tăng TSCĐ do mua sắm trong nước	14
Sơ đồ 1.3 Hạch toán tăng TSCĐ do nhận cấp phát, nhận góp vốn liên doanh	15
Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán đánh giá tăng TSCĐ	15
Sơ đồ 1.5 Hạch toán tăng TSCĐ do XDCB hoàn thành bàn giao	16
Sơ đồ 1.6 Hạch toán tăng TSCĐ do nhận lại vốn góp liên doanh trước đây	17
Sơ đồ 1.7 Hạch toán tăng TSCĐ do mua theo phương thức trả góp	17
Sơ đồ 1.8 Hạch toán mua TSCĐ dưới hình thức trao đổi tương tự	18
Sơ đồ 1.9 Hạch toán mua TSCĐ dưới hình thức trao đổi không tương tự	18
Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ do thanh lý, nhượng bán	19
Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ do góp vốn liên doanh, liên kết	19
Sơ đồ 1.12 Sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ do bị mất, phát hiện thiếu khi kiểm kê	20
Sơ đồ 1.13 Sơ đồ hạch toán đánh giá giảm TSCĐ	20
Sơ đồ 1.14 Sơ đồ hạch toán TSCĐ thuê tài chính	21
Sơ đồ 1.15 Sơ đồ kế toán TSCĐ thuê hoạt động tại bên đi thuê	22
Sơ đồ 1.16 Sơ đồ kế toán TSCĐ thuê hoạt động tại bên cho thuê	23
Sơ đồ 1.17 Kế toán khấu hao TSCĐ	26
Sơ đồ 1.18 Sơ đồ kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ	26
Sơ đồ 1.19 Sơ đồ sửa chữa lớn TSCĐ theo kế hoạch	27
Sơ đồ 1.20 Sơ đồ sửa chữa lớn TSCĐ ngoài kế hoạch, nâng cấp	28
Sơ đồ 1.21 Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung	28
Sơ đồ 1.23 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	29
Sơ đồ 1.24 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	30
Sơ đồ 1.25 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ	31
Sơ đồ 1.26 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	32
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty cổ phần Đá Split	35

Sơ đồ 2.2 Bộ máy kế toán của Công ty CP Đá Spilit	37
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.....	39
Sơ đồ 2.4 Quy trình hạch toán tăng TSCĐ.....	43
Bảng 2.1 Phân loại TSCĐ hữu hình theo đặc trưng kỹ thuật kết hợp với hình thái biểu hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.....	41
Bảng 2.2 Hóa đơn GTGT	45
Bảng 2.3 Giấy báo Nợ của ngân hàng	46
Bảng 2.4 Biên bản giao nhận TSCĐ	47
Bảng 2.5 Quyết định sử dụng quỹ đầu tư phát triển để hình thành TSCĐ.....	48
Bảng 2.6 Thẻ TSCĐ	49
Bảng 2.7 Thẻ TSCĐ Máy cắt đá	51
Bảng 2.8 Tờ trình nhượng bán TSCĐ	52
Bảng 2.9 Quyết định nhượng bán.....	53
Bảng 2.10 Biên bản nhượng bán TSCĐ	54
Bảng 2.11 Hóa đơn GTGT	55
Bảng 2.12 Phiếu Thu	56
Bảng 2.13 Bảng tính và phân bổ khấu hao	59
Bảng 2.14 Hóa Đơn GTGT sửa máy photocopy	62
Bảng 2.15 Phiếu Chi.....	63
Bảng 2.16 Quyết định sửa chữa TSCĐ	66
Bảng 2.17 Hợp đồng sửa chữa TSCĐ	67
Bảng 2.18 Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành	69
Bảng 2.19 Hóa Đơn GTGT sửa chữa lớn máy xúc	70
Bảng 2.20 Biên bản nghiệm thu	71
Bảng 2.21 Sổ nhật ký chung.....	73
Bảng 2.22 Sổ chi tiết TSCĐ	75
Bảng 2.23 Sổ cái TK 211.....	76
Bảng 2.24 Sổ cái tài khoản 214	77
Bảng 2.25 Bảng tính và phân bổ khấu hao	86

LỜI MỞ ĐẦU

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước kế toán là một công việc quan trọng phục vụ cho việc hạch toán và quản lý kinh tế, nó còn có vai trò tích cực đối với việc quản lý các tài sản và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng của quá trình sản xuất. TSCĐ là công cụ để giảm được hao phí sức lao động của con người, nâng cao năng suất lao động. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Đối với ngành khai thác và chế biến khoáng sản thì kế toán TSCĐ là một khâu quan trọng trong công tác kế toán, nó cung cấp toàn bộ số liệu đáng tin cậy về tình hình TSCĐ hiện có của công ty và tình hình tăng giảm TSCĐ giúp lãnh đạo doanh nghiệp có kế hoạch đầu tư, khai thác TSCĐ hiệu quả. Chính vì vậy hạch toán TSCĐ luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp khai thác cũng như các nhà quản lý kinh tế của Nhà nước. Với xu thế ngày càng phát triển và hoàn thiện của nền kinh tế thị trường ở nước ta thì các quan niệm về TSCĐ và cách hạch toán chúng trước đây không còn phù hợp nữa cần phải sửa đổi, bổ sung, cải tiến và hoàn thiện kịp thời cả về mặt lý luận và thực tiễn để phục vụ yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

Vì những lý do trên, em đã lựa chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần đá Spilit**” để nghiên cứu và làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về kế toán TSCĐ trong các doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần đá Spilit

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty cổ phần đá Spilit

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TSCĐ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Khái quát chung về tài sản cố định

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định

1.1.1.1 Khái niệm về TSCĐ

Tài sản cố định là những tư liệu lao động chủ yếu và các tài sản khác có giá trị lớn, tham gia nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, nhưng giá trị của TSCĐ đã bị giảm dần và được chuyển vào giá trị sản phẩm, dưới hình thức khấu hao.

Hiện nay, căn cứ vào trình độ quản lý và thực tế nền kinh tế nước ta, Bộ tài chính đã quy định cụ thể cách xác định TSCĐ thông qua thông tư 45/2013/TT-BTC hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ. Thông tư bao gồm những tiêu chuẩn như:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.
- Giá trị ban đầu của tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy.
- Có thời gian hữu dụng trên một năm.
- Có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên.

1.1.1.2 Đặc điểm của tài sản cố định

Một đặc điểm quan trọng của TSCĐ là khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh nó bị hao mòn dần và giá trị hao mòn đó được dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. TSCĐ tham gia nhiều kỳ kinh doanh, nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến lúc hư hỏng.

Tuy nhiên, ta cần lưu ý một điểm quan trọng đó là, chỉ có những tài sản được sử dụng, phục vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh thoả mãn 4 tiêu chuẩn trên, mới được gọi là TSCĐ. Điểm này giúp ta phân biệt giữa TSCĐ và hàng hoá. Ví dụ máy vi tính sẽ là hàng hoá hay thay vì thuộc loại TSCĐ vẫn phòng, nếu doanh nghiệp mua máy đó để bán. Nhưng nếu doanh nghiệp đó sử dụng máy vi tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì máy vi tính đó là TSCĐ.

Cần phân biệt tài sản cố định với đầu tư dài hạn, cho dù cả hai loại này đều được duy trì quá một kỳ kế toán. Nhưng đầu tư dài hạn không phải được dùng cho hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp. Ví dụ như đất đai được duy trì để mở rộng quy mô sản xuất trong tương lai, được xếp vào loại đầu tư dài hạn. Ngược lại đất đai mà trên đó xây dựng nhà xưởng của doanh nghiệp thì nó lại là TSCĐ.

1.1.2 Phân loại tài sản cố định

Do TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau... nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán TSCĐ, cần sắp xếp TSCĐ vào từng nhóm theo từng đặc trưng nhất định. Sự sắp xếp này tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tối đa công dụng của TSCĐ và phục vụ tốt cho công tác thống kê TSCĐ.

Tài sản cố định có thể được phân theo nhiều tiêu thức khác nhau, như theo hình thái biểu hiện, theo nguồn hình thành, theo công dụng và tình hình sử dụng.... mỗi một cách phân loại sẽ đáp ứng được những nhu cầu quản lý nhất định cụ thể:

1.1.2.1 Theo hình thái biểu hiện

Tài sản cố định được phân thành TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

* Tài sản cố định hữu hình: Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- Nhà cửa vật kiến trúc: Bao gồm các công trình xây dựng cơ bản như nhà cửa, vật kiến trúc, cầu cống... phục vụ cho SXKD.
- Máy móc thiết bị: Bao gồm các loại máy móc thiết bị dùng trong sản xuất kinh doanh.
- Thiết bị phương tiện vận tải truyền dẫn: Là các phương tiện dùng để vận chuyển như các loại đầu máy, đường ống và các phương tiện khác (ô tô, máy kéo, xe tải...)
- Thiết bị dụng cụ dùng cho quản lý: gồm các thiết bị dụng cụ phục vụ cho quản lý như dụng cụ đo lường, máy tính, máy điều hoà.
- Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm: Gồm các loại cây lâu năm (cà phê, chè, cao su...) súc vật làm việc (voi, bò, ngựa cày kéo...) và súc vật nuôi để lấy sản phẩm (bò sữa, súc vật sinh sản...) mà đáp ứng đủ tiêu chuẩn là TSCĐ.
- Tài sản cố định hữu hình khác: Bao gồm những TSCĐ mà chưa được quy định phản ánh vào các loại nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...).

* Tài sản cố định vô hình: Là những TSCĐ không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc về TSCĐ vô hình gồm có:

- Chi phí thành lập, chuẩn bị sản xuất: Bao gồm các chi phí liên quan đến việc thành lập, chuẩn bị sản xuất, chi phí khai hoang, như chi cho công tác nghiên cứu, thăm dò, lập dự án đầu tư, chi phí về huy động vốn ban đầu, chi phí đi lại, hội họp, quảng cáo,

khai trương...

- Bằng phát minh sáng chế: Là các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để mua lại các bản quyền tác giả, bằng sáng chế, hoặc trả cho các công trình nghiên cứu, sản xuất thử, được nhà nước cấp bằng phát minh sáng chế.
- Chi phí nghiên cứu phát triển: Là các khoản chi phí cho việc nghiên cứu, phát triển doanh nghiệp do đơn vị đầu tư hoặc thuê ngoài.
- Lợi thế thương mại: Là các khoản chi phí về lợi thế thương mại do doanh nghiệp phải trả thêm ngoài giá trị thực tế của các TSCĐ hữu hình, bởi sự thuận lợi của vị trí thương mại, sự tín nhiệm của khách hàng hoặc danh tiếng của doanh nghiệp.
- Đặc quyền (hay quyền khai thác): Bao gồm các chi phí doanh nghiệp phải trả để mua đặc quyền khai thác các nghiệp vụ quan trọng hoặc độc quyền sản xuất, tiêu thụ một loại sản phẩm theo các hợp đồng đặc nhượng đã ký kết với Nhà nước hay một đơn vị nhượng quyền cùng với các chi phí liên quan đến việc tiếp nhận đặc quyền (Hoa hồng, giao tiếp, thủ tục pháp lý...).
- Quyền thuê nhà: Là chi phí phải trả cho người thuê nhà trước đó để được thừa kế các quyền lợi về thuê nhà theo hợp đồng hay theo luật định.
- Nhãn hiệu: Bao gồm các chi phí mà doanh nghiệp phải trả để mua lại nhãn hiệu hay tên một nhãn hiệu nào đó. Thời gian có ích của nhãn hiệu thương mại kéo dài suốt thời gian nó tồn tại, trừ khi có dấu hiệu mất giá (sản phẩm, hàng hoá mang nhãn hiệu đó tiêu thụ chậm, doanh số giảm...).
- Quyền sử dụng đất: Bao gồm toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến việc giành quyền sử dụng đất đai, mặt nước trong một khoảng thời gian nhất định.
- Bản quyền tác giả: Là tiền chi phí thù lao cho tác giả và được Nhà nước công nhận cho tác giả độc quyền phát hành và bán tác phẩm của mình.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán TSCĐ sử dụng tài khoản kế toán một cách phù hợp và khai thác triệt để tính năng kỹ thuật của TSCĐ.

1.1.2.2 Theo quyền sở hữu

Theo tiêu thức này TSCĐ được phân thành TSCĐ tự có và TSCĐ thuê ngoài.

* TSCĐ tự có: Là những TSCĐ xây dựng, mua sắm hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, do ngân sách Nhà nước cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh...

* TSCĐ đi thuê:

- TSCĐ thuê hoạt động: Là những TSCĐ doanh nghiệp đi thuê của các đơn vị khác để sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng ký kết.
- TSCĐ thuê tài chính: Là những TSCĐ doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính, nếu hợp đồng thuê thỏa mãn ít nhất 1 trong 4 điều sau đây:
 - + Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được nhận quyền sử hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thỏa thuận của.
 - + Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm mua lại.
 - + Thời hạn thuê một tài sản ít nhất phải bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản thuê.
 - + Tổng số tiền thuê tài sản phải trả ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản đó trên thị trường vào thời điểm ký hợp đồng.

Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỷ trọng TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỷ trọng TSCĐ thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại TSCĐ.

1.1.2.3 Theo nguồn hình thành

Đứng trên phương diện này TSCĐ được chia thành:

- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn được ngân sách cấp hay cấp trên cấp.
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung của doanh nghiệp (quỹ đầu tư phát triển, quỹ phúc lợi...).
- TSCĐ nhận góp vốn liên doanh.

Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành, cung cấp được các thông tin về cơ cấu nguồn vốn hình thành TSCĐ. Từ đó có phương hướng sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ một cách hiệu quả và hợp lý.

1.1.2.4 Theo công dụng và tình hình sử dụng

Theo cách phân loại này, TSCĐ trong DN được chia thành 4 loại:

- TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh: đây là những TSCĐ đang thực tế sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Những TSCĐ này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- TSCĐ hành chính sự nghiệp: là TSCĐ được nhà nước hoặc cấp trên cấp hoặc do DN mua sắm, xây dựng bằng nguồn kinh phí sự nghiệp và được sử dụng cho hoạt động

hành chính sự nghiệp.

- TSCĐ phúc lợi: là những TSCĐ được hình thành từ quỹ phúc lợi, do DN quản lý và sử dụng cho nhu cầu phúc lợi như nhà văn hóa, nhà trẻ, câu lạc bộ...
- TSCĐ hữu hình chờ xử lý: bao gồm những TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc vì không thích hợp với sự đổi mới quy trình công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ tranh chấp chờ giải quyết... Những TSCĐ này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới TSCĐ.

Cách phân loại này giúp nhà quản lý phân bổ TSCĐ hợp lý, phát huy tối đa tính năng của mỗi loại TSCĐ đồng thời kịp thời xử lý các TSCĐ chờ thanh lý giúp thu hồi vốn nhanh hơn để quay vòng vốn một cách có hiệu quả.

1.1.3 Đánh giá tài sản cố định

Xuất phát từ nguyên tắc quản lý TSCĐ, khi tính giá TSCĐ kế toán phải xác định được 3 chỉ tiêu là nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

1.1.3.1 Nguyên giá

Theo như khái niệm thì nguyên giá TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà DN phải bỏ ra để có được TSCĐ đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ta thấy nguyên giá TSCĐ có tính ổn định cao. Nó chỉ thay đổi trong một số trường hợp sau:

- Thứ nhất do trang bị thêm hoặc tháo dỡ bớt một số chi tiết của TSCĐ. Khi đó giá trị của các bộ phận trang bị thêm vào (hoặc tháo dỡ ra) sẽ được thêm vào (hoặc trừ đi) nguyên giá cũ của TSCĐ.
- Thứ hai do khi sửa chữa lớn mang tính chất nâng cấp, kéo dài tuổi thọ hay tăng thêm tính năng cho TSCĐ thì chi phí bỏ ra sẽ được bổ sung vào nguyên giá cũ để xác định nguyên giá mới của nó.
- Cuối cùng là do đánh giá lại TSCĐ theo quyết định của các cấp có đủ thẩm quyền.

Nguyên giá được xác định dựa trên nguyên tắc giá gốc và tùy thuộc vào nguồn hình thành TSCĐ mà cách xác định nguyên giá TSCĐ là khác nhau:

Trường hợp mua sắm TSCĐ

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nguyên} & & & & \text{Các khoản thuế} & & \text{Các khoản} \\ \text{giá} & = & \text{Giá mua} & + & \text{không được} & - & \text{giảm giá, trả} \\ & & \text{trên hóa} & & \text{hoàn lại (Thuế} & & \text{lại, chiết khấu} \\ & & \text{đơn} & & \text{NK, TTDB)} & & \text{thương mại} \\ & & & & & & + \text{Chi phí} \\ & & & & & & \text{trước khi} \\ & & & & & & \text{sử dụng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua trên hóa đơn sẽ không bao gồm thuế giá trị gia tăng nếu DN tính thuế theo phương pháp khấu trừ. Còn nếu DN tính thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc mua về để sản xuất mặt hàng không chịu thuế giá trị gia tăng thì giá mua trên hóa đơn bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.
- Thuế: Nếu TSCĐ được nhập khẩu hoặc thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thì nguyên giá bao gồm cả hai thuế này.
- Chi phí trước khi sử dụng bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử lệ phí trước bạ, chi phí sang tên đổi chủ.
- Các khoản giảm trừ, trả lại, chiết khấu thương mại: bao gồm giảm giá hàng mua, giá trị hàng mua trả lại, chiết khấu thương mại.

Trường hợp TSCĐ nhận góp vốn liên doanh, liên kết, nhận lại góp vốn liên doanh liên kết hoặc phát hiện thừa

Nguyên giá TSCĐ được xác định bằng giá trị thực tế theo giá của hội đồng liên doanh định giá và các chi phí phải chi ra trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng.

Trường hợp TSCĐ tự xây dựng, tự chế tạo

$$\text{Nguyên giá} = \text{Giá thành sản xuất} + \text{Chi phí trước khi sử dụng (nếu có)}$$

Các chi phí trước khi sử dụng bao gồm các chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác phải chi ra, tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các chi phí không hợp lý như: lãi nội bộ, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các chi phí khác vượt quá định mức cho phép).

TSCĐ theo phương thức giao thầu

$$\text{Nguyên giá} = \text{Giá trị quyết toán công trình} + \text{Các chi phí có liên quan trực tiếp} + \text{Lệ phí trước bạ (nếu có)}$$

TSCĐ là quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất ở đây bao gồm cả quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất lâu dài.

$$\text{Nguyên giá} = \text{Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp} + \text{Chi phí trước khi sử dụng (nếu có)}$$

Tiền chi ra là các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

TSCĐ mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ khác

Nếu là TSCĐ tương tự, thì nguyên giá được xác định là giá trị còn lại của TSCĐ được đem đi trao đổi.

Nếu là TSCĐ không tương tự

$$\text{Nguyên giá} = \text{Giá trị hợp lý của TSCĐ nhận về} + \text{Chi phí trước khi sử dụng (nếu có)}$$

Chi phí trước sử dụng là các khoản phải trả thêm cộng thêm các khoản thuê và các chi phí khác trước khi đưa TSCĐ vào sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính

$$\text{Nguyên giá} = \text{Giá trị hợp lý của nó} + \text{Chi phí trước khi sử dụng (nếu có)}$$

Giá trị hợp lý của TSCĐ thuê tài chính là trị giá của tài sản có thể trao đổi giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu thì ghi theo giá hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

1.1.3.2 Giá trị hao mòn và khấu hao tài sản cố định

Hao mòn TSCĐ là sự giảm dần giá trị của TSCĐ trong quá trình sử dụng do tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh bị cọ xát, ăn mòn hay do sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật.

Hao mòn TSCĐ là một phạm trù mang tính chất khách quan, muốn xác định nó phải dựa vào một cơ sở khách quan là thông qua giá trị thị trường (tức là phải so sánh giá cả của TSCĐ mới và cũ cùng loại). Tuy nhiên, do đặc điểm của TSCĐ là được đầu tư mua sắm để sử dụng lâu dài cho quá trình sản xuất kinh doanh nên các DN không thể xác định giá trị hao mòn qua phương pháp trên. Để có thể phân bổ giá trị hao mòn một cách hợp lý, DN cần phải tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của TSCĐ vào chi phí kinh doanh trong từng kỳ hạch toán, được gọi là khấu hao TSCĐ.

Khấu hao TSCĐ là việc tính toán chuyển dịch giá trị hao mòn TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo những phương pháp tính toán thích hợp. Như

vậy hao mòn TSCĐ là hiện tượng khách quan của tài sản còn khấu hao là biện pháp chủ quan của DN nhằm hạch toán đúng đủ chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ thì nguyên tắc trích khấu hao TSCĐ được xác định như sau:

- Tất cả TSCĐ hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao, trừ những TSCĐ sau đây:

+ TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ TSCĐ khấu hao chưa hết bị mất.

+ TSCĐ khác do doanh nghiệp quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê tài chính).

+ TSCĐ không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

+ TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của doanh nghiệp (trừ các TSCĐ phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).

+ TSCĐ từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho doanh nghiệp để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

Mục đích của việc trích khấu hao TSCĐ là giúp cho DN có thể tính toán đủ và đúng các chi phí sử dụng TSCĐ và thu hồi số vốn đầu tư để có thể tái tạo TSCĐ để tiếp tục sản xuất kinh doanh khi chúng bị hư hỏng hoặc thời gian kiểm soát hết hiệu lực.

1.1.3.3 Giá trị còn lại

Giá trị còn lại là chi phí mà DN đầu tư vào TSCĐ mà chưa thu hồi được tại một thời điểm cụ thể. Giá trị còn lại của TSCĐ được xác định theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá} - \text{Giá trị hao mòn lũy kế}$$

Giá trị còn lại của TSCĐ cho biết số tiền còn lại cần tiếp tục thu hồi dưới hình thức khấu hao. Đồng thời, nó cũng một phần phản ánh được trạng thái kỹ thuật của TSCĐ và là căn cứ để lập kế hoạch đổi mới, thanh lý TSCĐ. Tuy nhiên, giá trị còn lại thường khác với giá trị thực tế của TSCĐ đó tính theo giá hiện tại trên thị trường. Do

đó, ngoài việc theo dõi giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách, các nhà quản lý cũng cần phải nắm vững giá trị thực tế của TSCĐ để có được quyết định đầu tư đúng đắn.

1.2 Hạch toán biến động tài sản cố định

1.2.1 Vai trò và nhiệm vụ của hạch toán tài sản cố định

Hạch toán nói chung và hạch toán TSCĐ nói riêng là một nhu cầu khách quan của bản thân quá trình sản xuất cũng như của xã hội. Ngày nay khi mà quy mô sản xuất ngày càng lớn, trình độ xã hội hoá và sức phát triển sản xuất ngày càng cao, thì hạch toán nói chung và hạch toán TSCĐ nói riêng không ngừng được tăng cường và hoàn thiện. Nó đã trở thành một công cụ để lãnh đạo nền kinh tế và phục vụ các nhu cầu của con người.

Thông qua hạch toán TSCĐ sẽ thường xuyên trao đổi, nắm chắc tình hình tăng giảm TSCĐ về số lượng và giá trị, tình hình sử dụng và hao mòn TSCĐ, từ đó đưa ra phương thức quản lý và sử dụng hợp lý công suất của TSCĐ, góp phần phát triển sản xuất, thu hồi nhanh vốn đầu tư để tái sản xuất và tạo sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên thương trường..

Với vai trò to lớn đó, đòi hỏi hạch toán TSCĐ phải đảm bảo các nghiệp vụ chủ yếu sau:

- Ghi chép, phản ánh tổng hợp, chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình trạng tăng giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn doanh nghiệp, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐ. Qua đó tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra giám sát thường xuyên việc giữ gìn bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng đơn vị.
- Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản về chế độ quy định.
- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, giám sát việc sửa chữa TSCĐ về chi phí và kết quả của công việc sửa chữa.
- Tính toán phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng trang bị thêm, đổi mới nâng cấp hoặc tháo dỡ bớt làm tăng, giảm nguyên giá TSCĐ cũng như tình hình thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận phụ thuộc trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ ghi chép ban đầu về TSCĐ, mở các sổ, thẻ kế toán cần thiết và hạch toán TSCĐ đúng chế độ quy định.
- Tham gia kiểm tra đánh giá lại TSCĐ theo quy định của nhà nước và yêu cầu bảo toàn vốn, tiến hành phân tích tình trạng bị huy động, bảo quản sử dụng TSCĐ tại đơn vị.

1.2.2 Tài khoản sử dụng

* TK 211 “Tài sản cố định hữu hình”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động tăng giảm của toàn bộ TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp theo nguyên giá.

Nợ	TK 211	Có
Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình tăng trong kỳ		Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình giảm trong kỳ
SDCK: Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có		

Tài khoản 211 được chi tiết đến các tài khoản cấp hai sau:

TK 2112: Nhà cửa vật kiến trúc

TK 2113: Máy móc thiết bị

TK 2114: Phương tiện vận tải truyền dẫn

TK 2115: Thiết bị dụng cụ quản lý

TK 2116: Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm.

TK 2118: TSCĐ hữu hình khác.

* TK 212 “Tài sản cố định thuê tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp

Nợ	TK 212	Có
Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình thuê tài chính tăng trong kỳ		Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình thuê tài chính giảm trong kỳ
SDCK: Nguyên giá TSCĐ hữu hình thuê tài chính hiện có		

* Tài khoản 213 “Tài sản cố định vô hình”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ vô hình của doanh nghiệp.

Nợ	TK 213	Có
Phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình tăng trong kỳ		Phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình giảm trong kỳ
SDCK: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có		

Tài khoản 213 có các tài khoản cấp 2 như sau:

TK 2131: Quyền sử dụng đất

TK 2132: Chi phí thành lập doanh nghiệp

TK 2133: Bằng phát minh sáng chế

TK 2134: Chi phí nghiên cứu phát triển

TK 2138: TSCĐ vô hình khác

* Tài khoản 214 “Hao mòn TSCĐ”: Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng do trích khấu hao và những khoản tăng giảm hao mòn khác của các loại TSCĐ của doanh nghiệp.

Nợ	TK 214	Có
Phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ giảm trong kỳ		Phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ tăng do trích khấu hao, do đánh giá lại TSCĐ trong kỳ
		SDCK: Phản ánh giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ cuối kỳ

Tài khoản 214 có 4 tài khoản cấp 2 như sau:

TK 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình

TK 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính

TK 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình

TK 2147: Hao mòn bất động sản đầu tư

* Tài khoản 241 “Xây dựng cơ bản dở dang”: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí

thực hiện các dự án đầu tư XDCB (bao gồm chi phí mua sắm mới TSCĐ, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán dự án đầu tư XDCB ở các doanh nghiệp có tiến hành công tác mua sắm TSCĐ, đầu tư XDCB, sửa chữa lớn TSCĐ.

TK 241

<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh - Chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị TSCĐ hình thành qua đầu tư XDCB, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng - Giá trị sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, kết chuyển khi quyết toán được duyệt
SD: Chi phí dự án đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn TSCĐ dở dang hoặc đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao đưa vào sử dụng hoặc quyết toán chưa được duyệt	

Tài khoản 241 có 3 tài khoản cấp 2 như sau:

TK 2411: Mua sắm TSCĐ

TK 2412: Xây dựng cơ bản

TK 2413: Sửa chữa TSCĐ

* Tài khoản 411 “Nguồn vốn kinh doanh”: Đây là tài khoản phản ánh số vốn kinh doanh hiện có và tình hình tăng giảm vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

Nợ	TK 411	Có
Nguồn vốn kinh doanh giảm trong kỳ		Nguồn vốn kinh doanh tăng trong kỳ
		SDCK: Nguồn vốn kinh doanh hiện có của DN

TK 411 được chi tiết theo từng nguồn hình thành vốn. Trong đó cần theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Ngoài các TK nêu trên, trong quá trình hạch toán TSCĐ, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 142, 331, 335, 241... và một số tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán như TK 001 “TSCĐ thuê ngoài”.

1.2.3 Hạch toán chi tiết TSCĐ

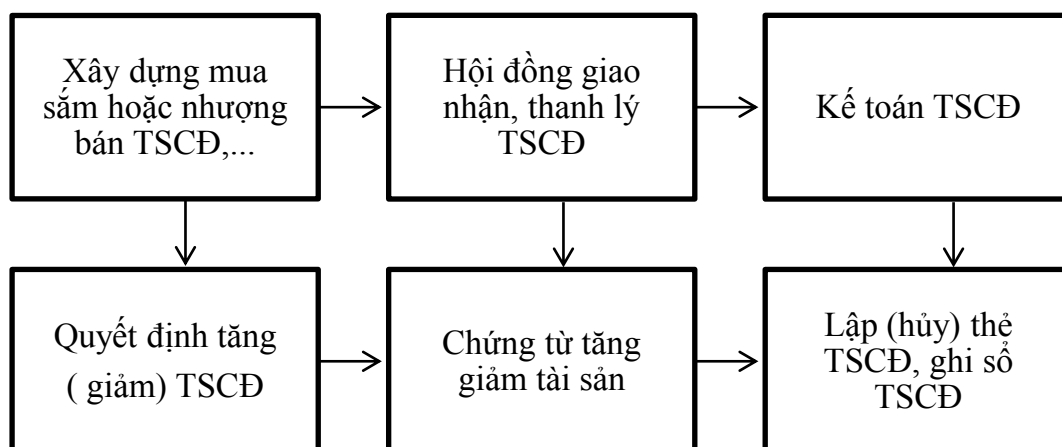
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

Các chứng từ có liên quan đến kế toán chi tiết TSCĐ bao gồm 2 loại:

- Loại 1: Chứng từ mệnh lệnh liên quan đến chủ sở hữu tài sản
 - + Quyết định đầu tư
 - + Quyết định cấp phát
 - + Quyết định điều chuyển
 - + Quyết định thanh lý, nhượng bán
 - + Quyết định kiểm kê, đánh giá
- Loại 2: Các chứng từ thực hiện
 - + Biên bản giao nhận tài sản (01 - TSCĐ) dùng cho tất cả các nghiệp vụ tăng giảm, trừ: nghiệp vụ thanh lý, nhượng bán, kiểm kê, đánh giá, sửa chữa lớn.
 - + Thẻ TSCĐ (02 - TSCĐ) là lý lịch trích kế toán của TSCĐ được lập khi tăng và hủy đi khi giảm TSCĐ.
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng sửa chữa lớn hoàn thành.
 - + Biên bản kiểm kê TSCĐ (được lập khi có hoạt động kiểm kê)
 - + Biên bản thanh lý TSCĐ (được lập khi có hoạt động thanh lý)
 - + Biên bản đánh giá TSCĐ (được lập khi thay đổi tiêu chuẩn giá trị, đây là bằng chứng để ghi tăng hoặc giảm TSCĐ).

Quy trình tổ chức chứng từ như sau:

Sơ đồ 1.1 Quy trình tổ chức chứng từ



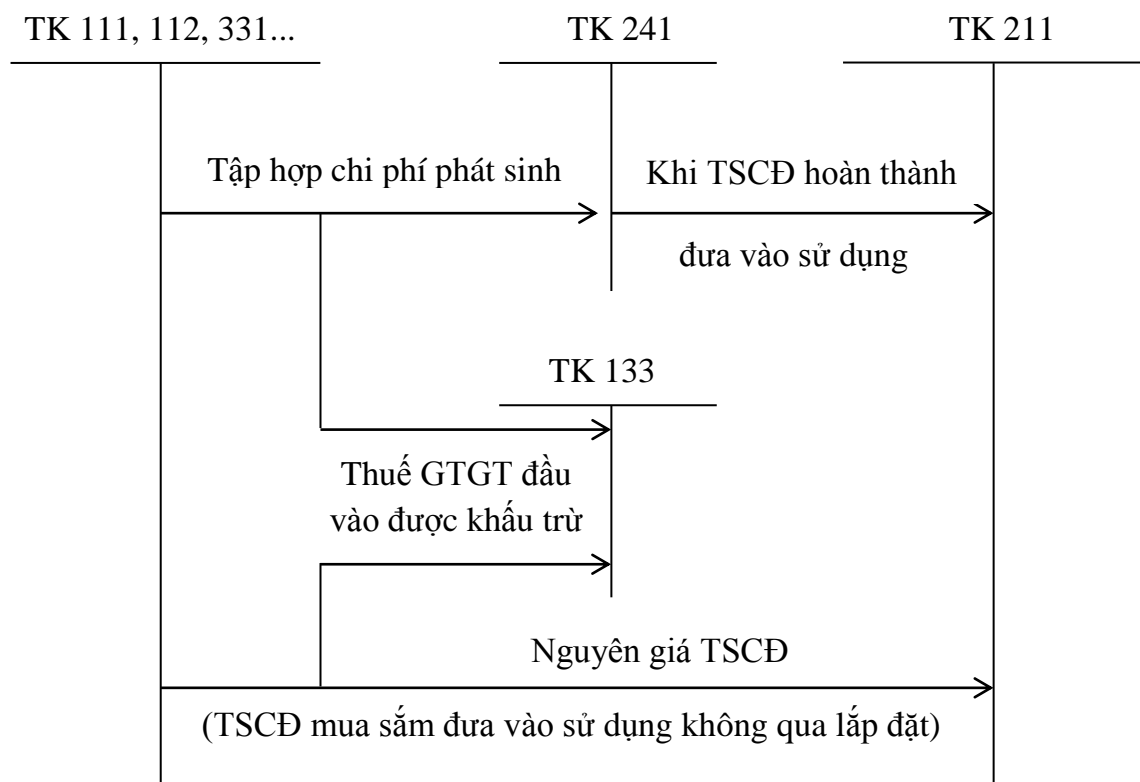
1.2.4 Hạch toán tình hình biến động TSCĐ

1.2.4.1 Hạch toán tăng TSCĐ

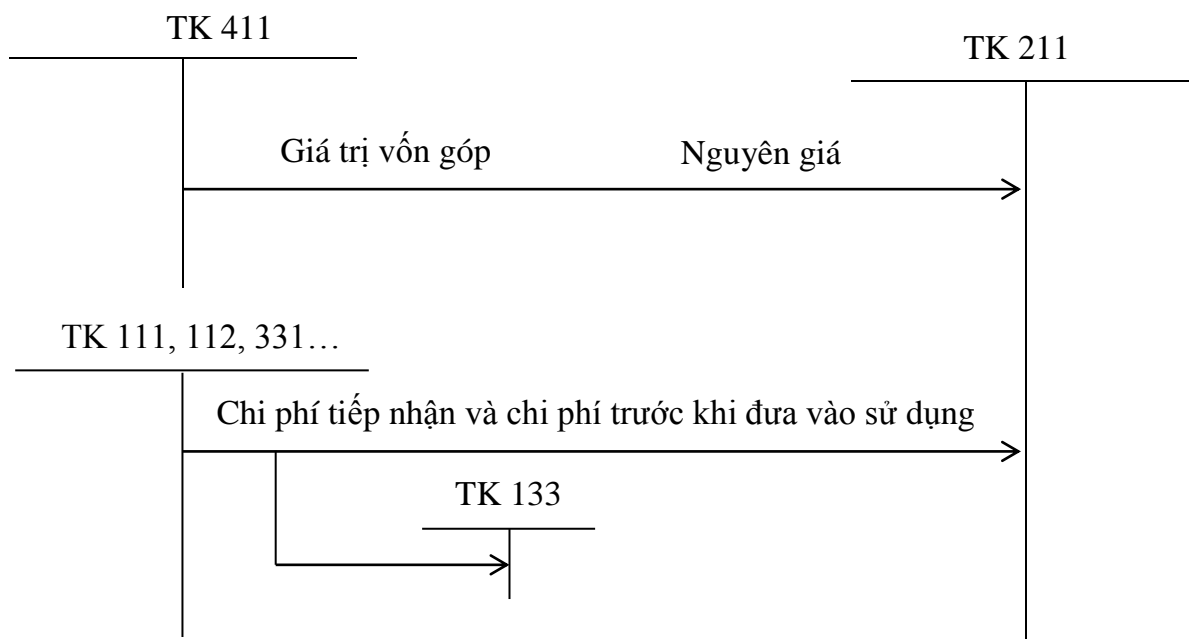
Trong các DN, TSCĐ tăng lên do nhiều nguyên nhân khác nhau: do đầu tư mua sắm trực tiếp, do XDCB hoàn thành bàn giao, do được biếu tặng, nhận góp vốn liên doanh...

Trường hợp đối với DN nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ:

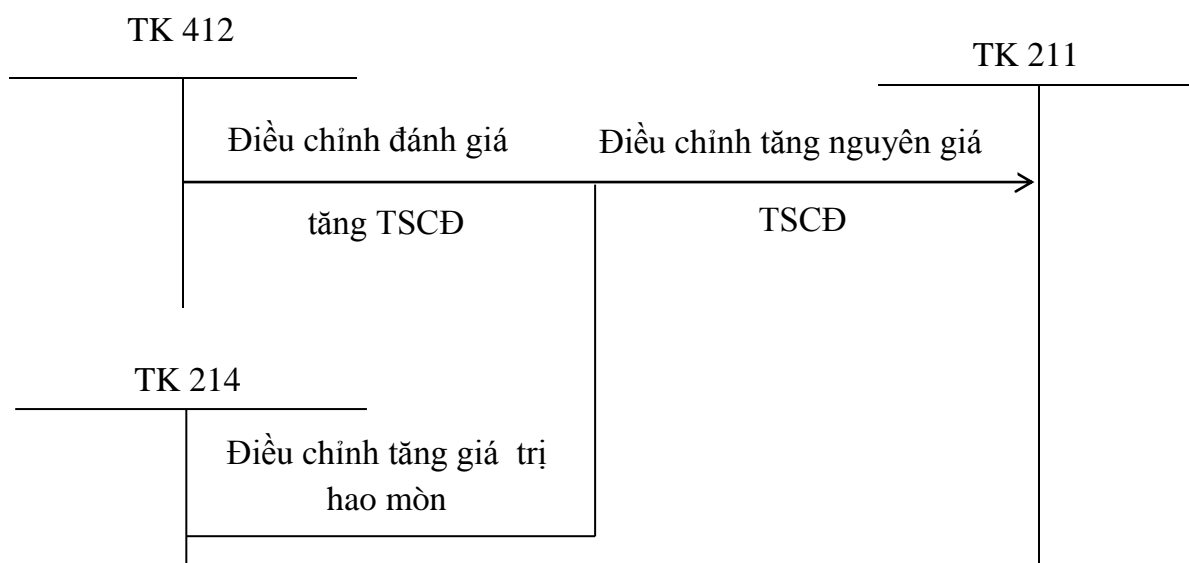
Sơ đồ 1.2 Hạch toán tăng TSCĐ do mua sắm trong nước



Sơ đồ 1.3 Hạch toán tăng TSCĐ do nhận cấp phát, nhận góp vốn liên doanh

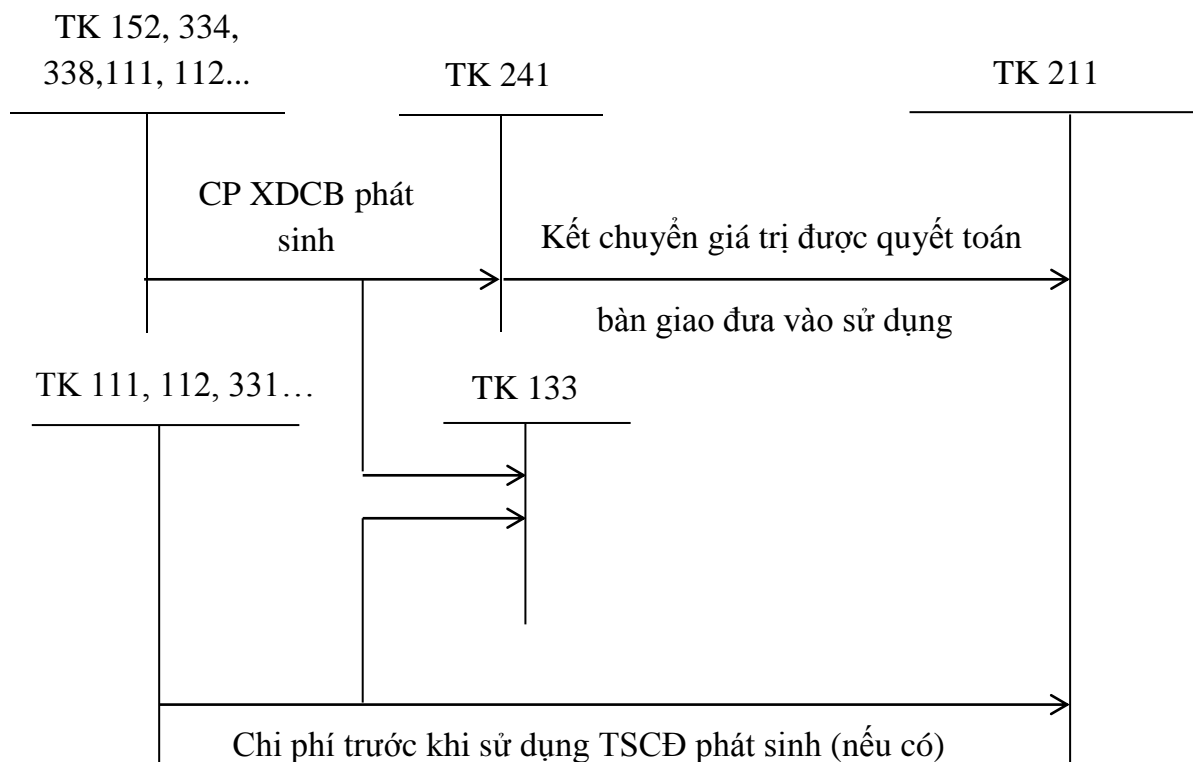


Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán đánh giá tăng TSCĐ

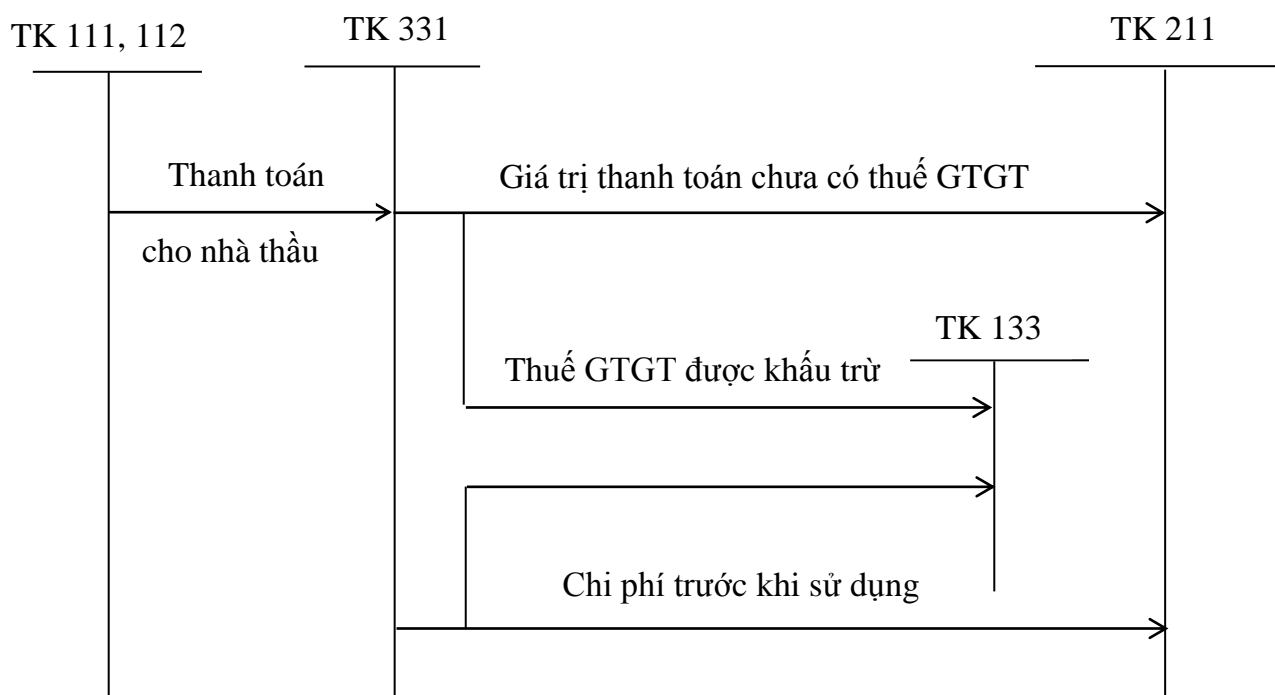


Sơ đồ 1.5 Hạch toán tăng TSCĐ do XDCB hoàn thành bàn giao

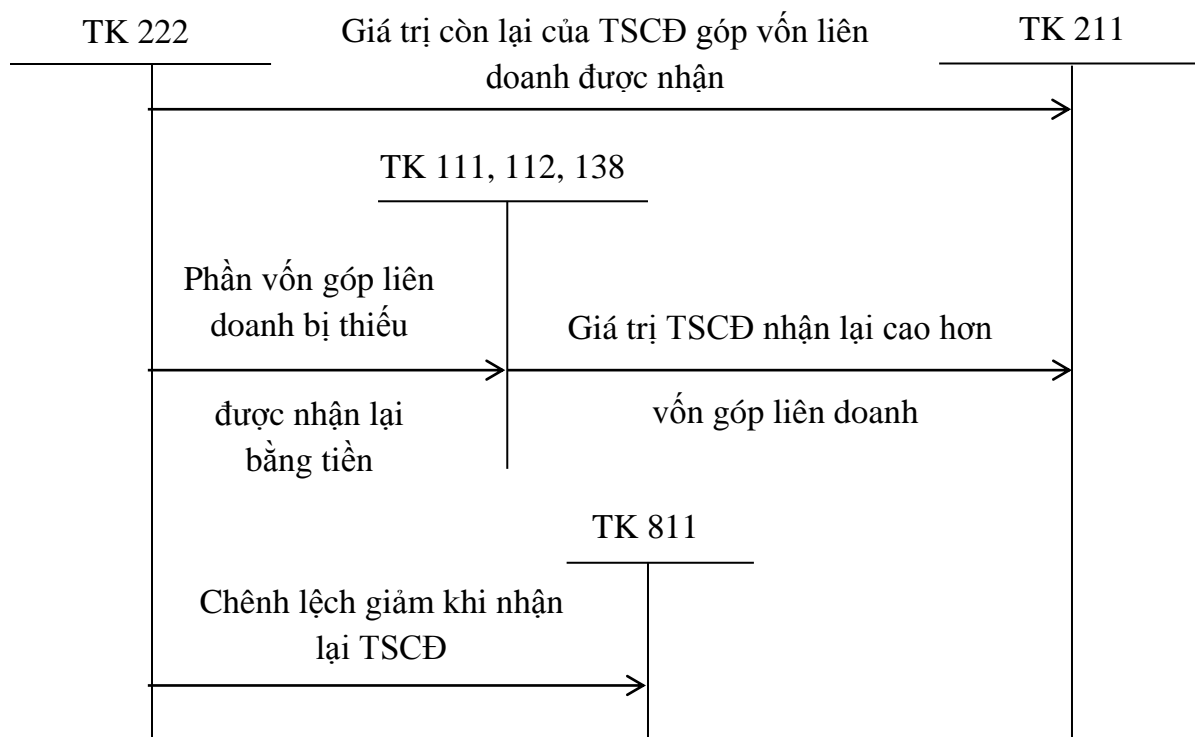
* Doanh nghiệp tự thực hiện



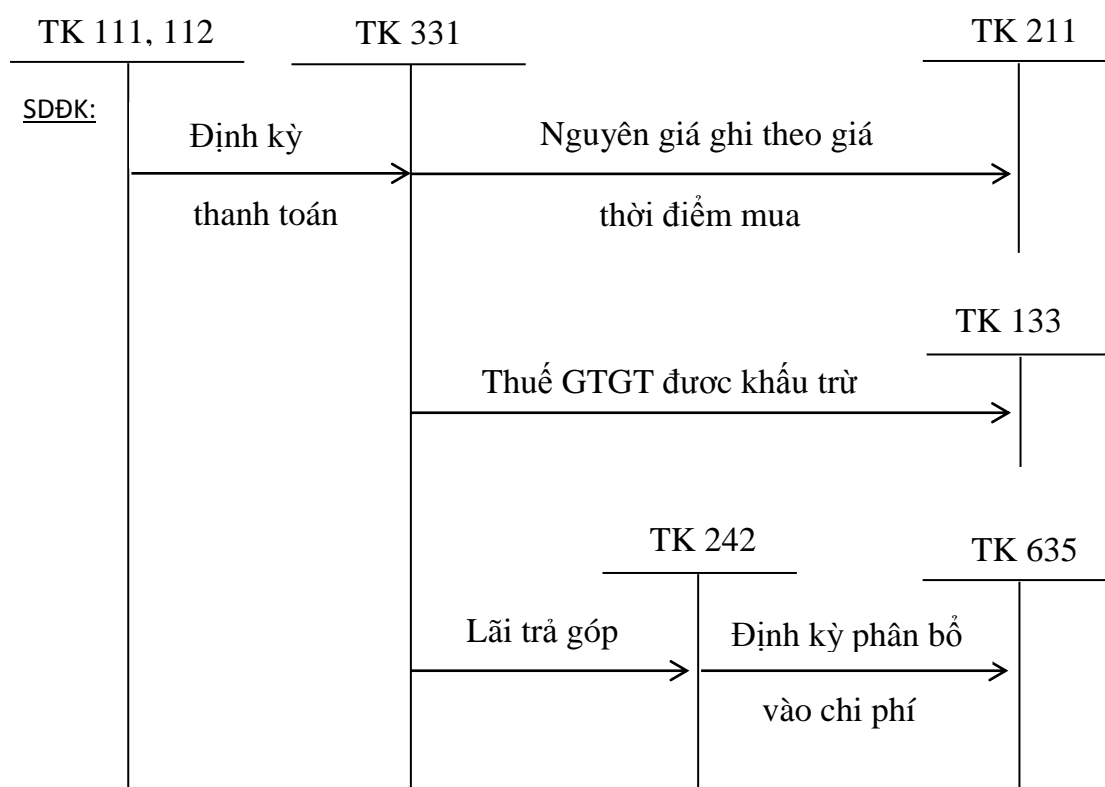
* Nhận bàn giao từ nhà thầu:



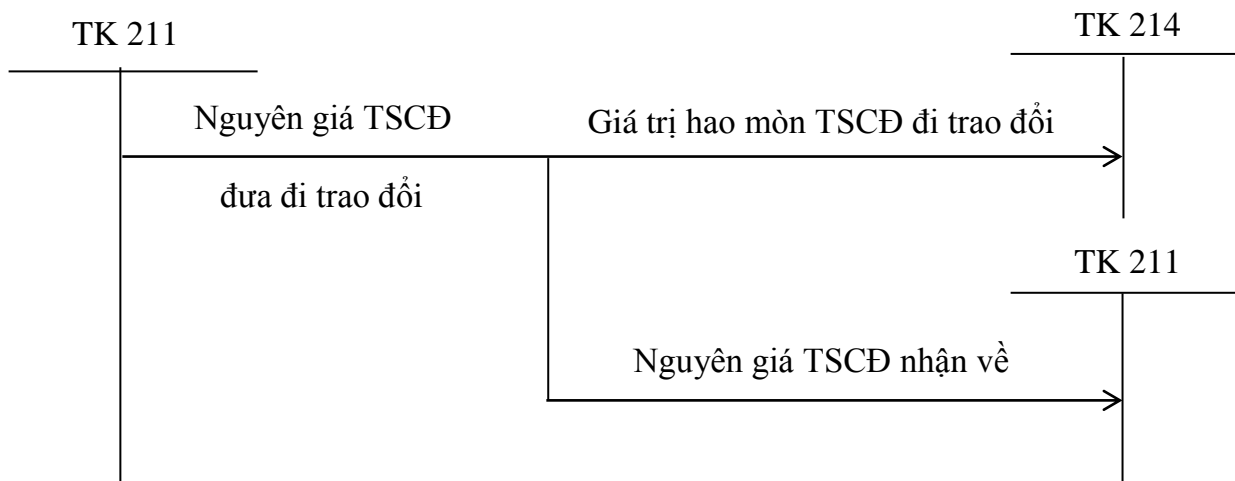
Sơ đồ 1.6 Hạch toán tăng TSCĐ do nhận lại vốn góp liên doanh trước đây



Sơ đồ 1.7 Hạch toán tăng TSCĐ do mua theo phương thức trả góp

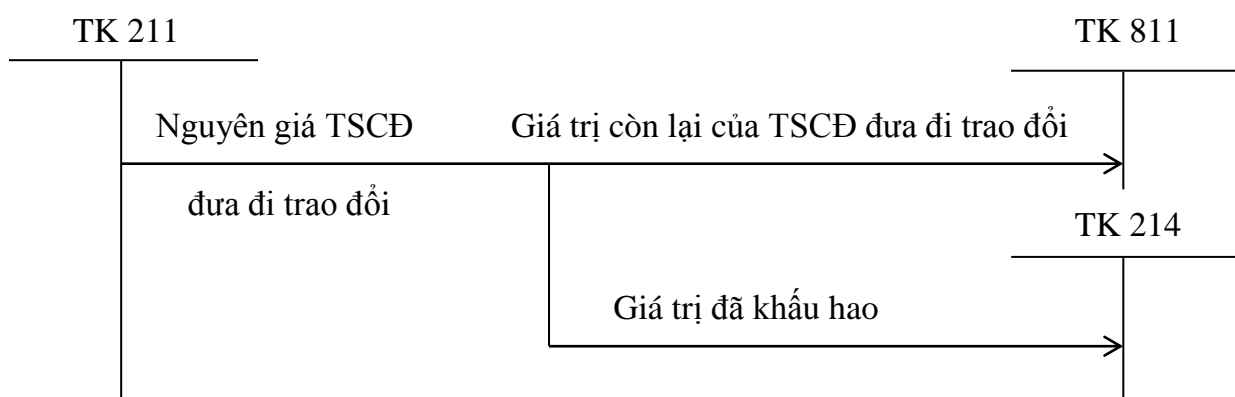


Sơ đồ 1.8 Hạch toán mua TSCĐ dưới hình thức trao đổi tương tự

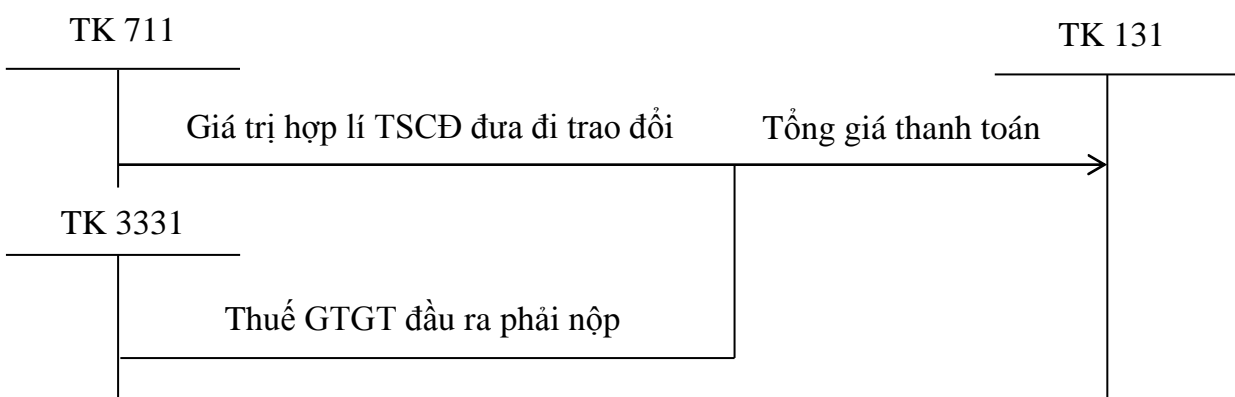


Sơ đồ 1.9 Hạch toán mua TSCĐ dưới hình thức trao đổi không tương tự

Khi giao TSCĐ



Đồng thời ghi tăng thu nhập do trao đổi



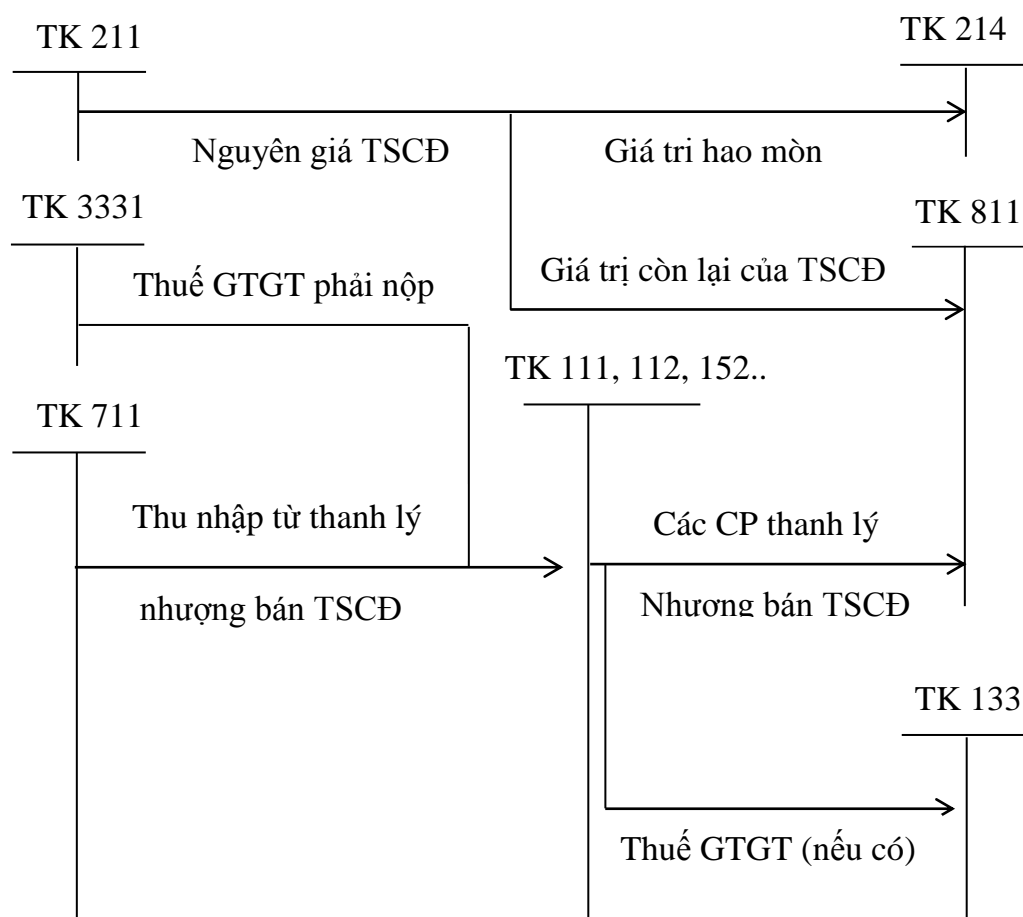
Trường hợp đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Tương tự như trường hợp đối với DN nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, tuy nhiên không có sự xuất hiện của TK Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (TK 133) mà được tính gộp thẳng vào nguyên giá TSCĐ.

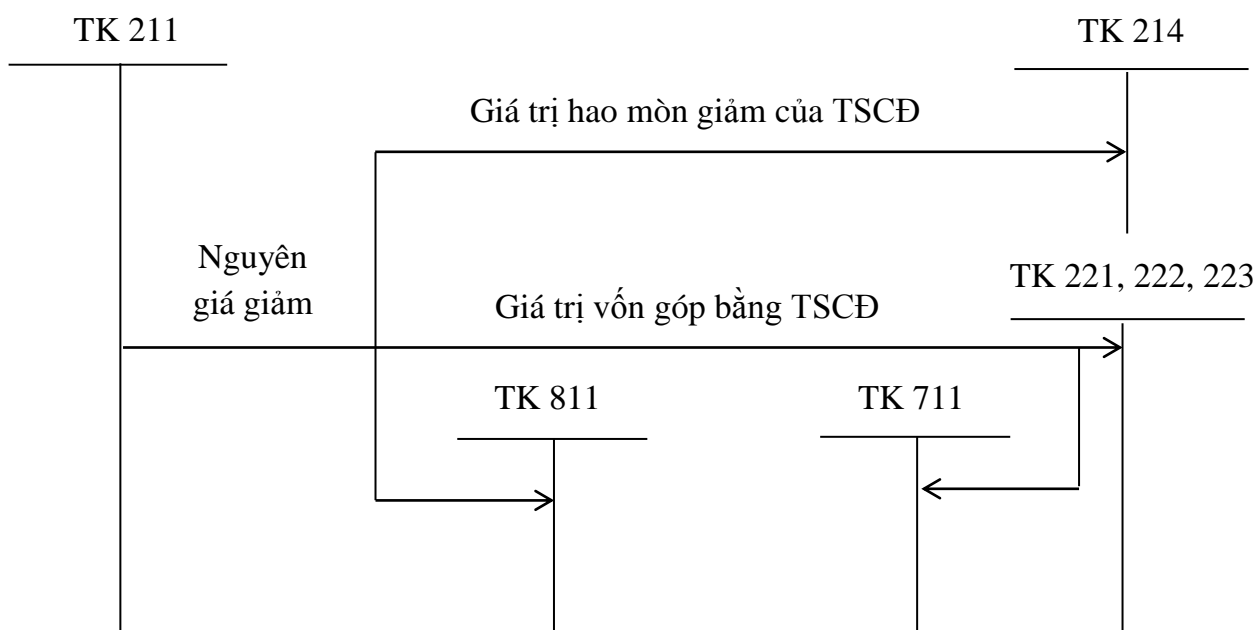
1.2.4.2 Hạch toán giảm TSCĐ trong DN

TSCĐ hữu hình giảm chủ yếu do nhượng bán, thanh lý... Tùy theo từng trường hợp cụ thể, kế toán sẽ phản ánh vào sổ sách phù hợp.

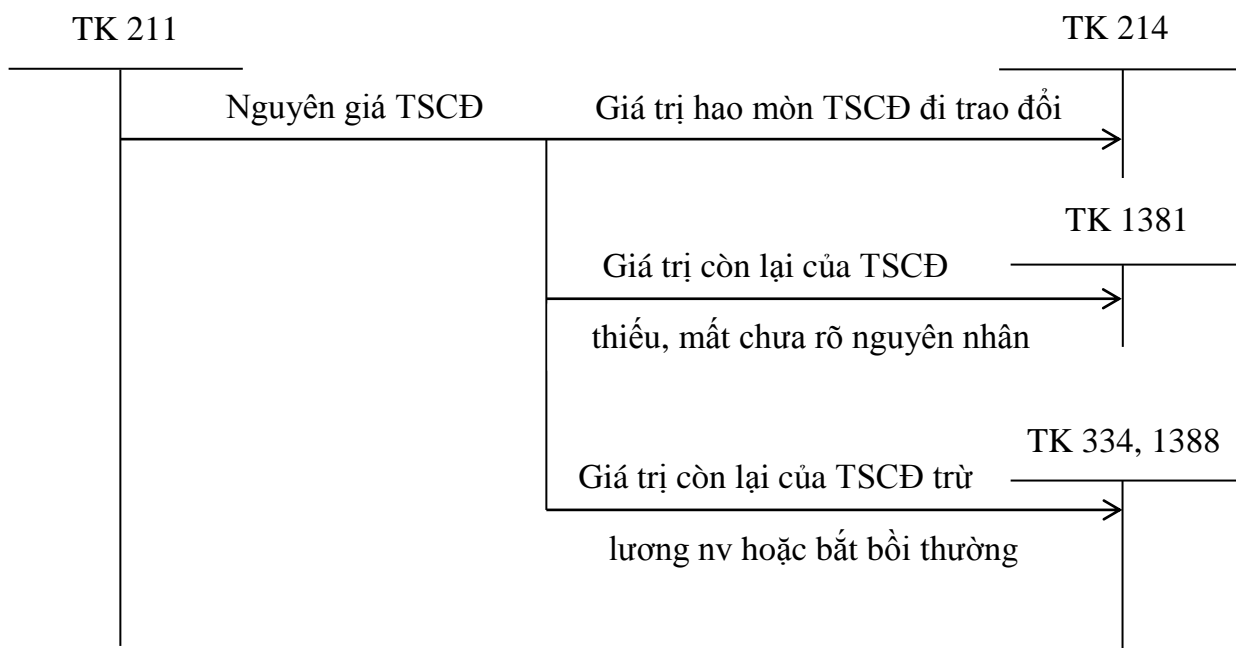
Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ do thanh lý, nhượng bán



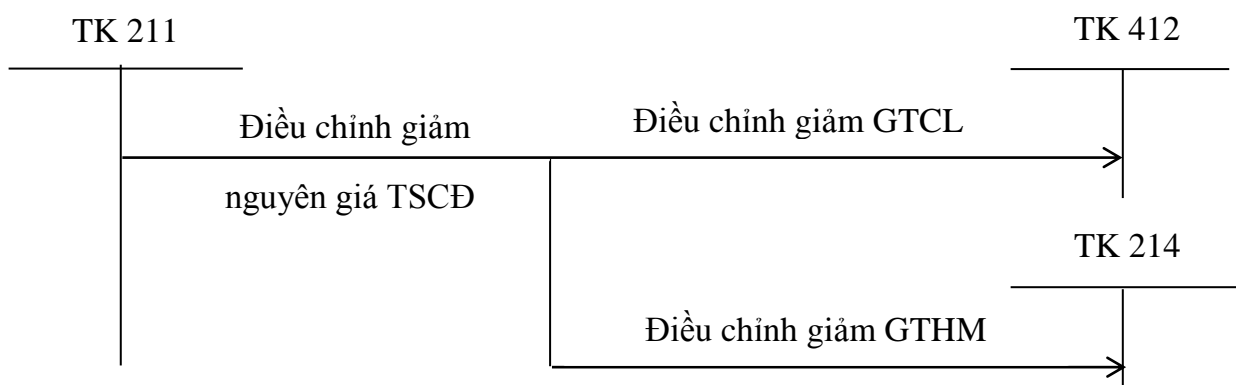
Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ do góp vốn liên doanh, liên kết



Sơ đồ 1.12 Sơ đồ hạch toán giảm TSCĐ do bị mất, phát hiện thiếu khi kiểm kê



Sơ đồ 1.13 Sơ đồ hạch toán đánh giá giảm TSCĐ



Trường hợp TSCĐ không còn đủ tiêu chuẩn thì được theo dõi và quản lý như đối với công cụ, dụng cụ.

1.2.4.3 Hạch toán thuê TSCĐ

Theo chuẩn mực 06 tài sản thuê chia 2 loại:

- TSCĐ thuê tài chính: Là những TSCĐ đi thuê, khi hợp đồng thuê phải thỏa mãn 1 trong 4 điều kiện sau:
 - + Kết thúc thời hạn thuê người cho thuê chuyển quyền sở hữu cho người đi thuê.
 - + Khi hết thời hạn thuê bên đi thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá thực tế của tài sản thuê tại thời điểm mua lại.

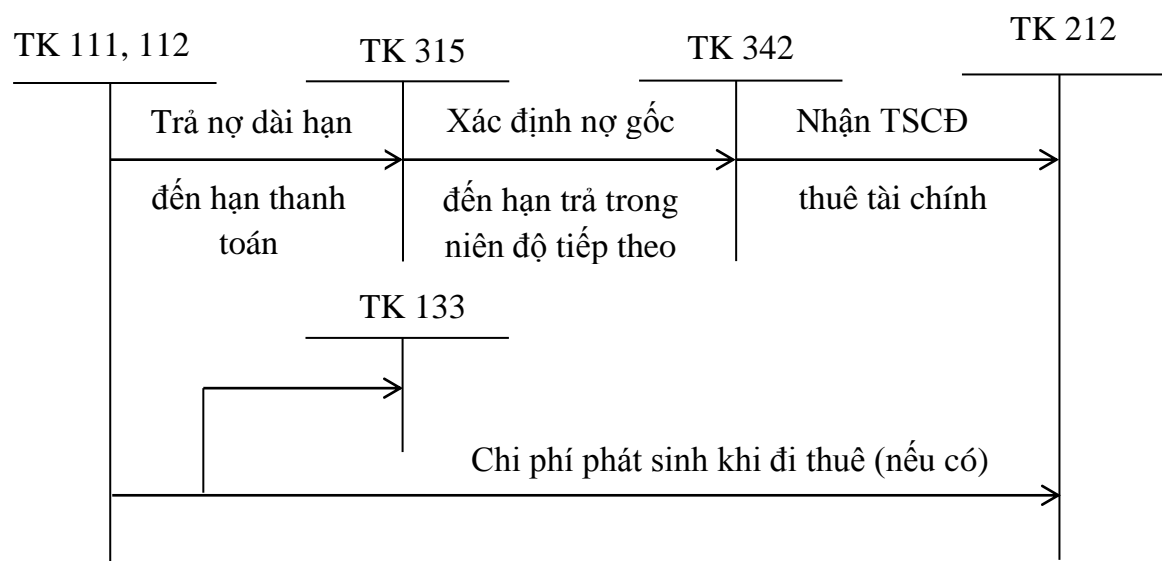
- + Thời hạn thuê tối thiểu bằng 60% thời hạn hữu dụng của tài sản thuê.
- + Tổng số tiền thuê phải trả ít nhất tương đương (100%) giá trị tài sản thuê trên thị trường tại thời điểm ký hợp đồng.
- TSCĐ thuê hoạt động: Là TSCĐ đi thuê không thỏa mãn các điều kiện trên.

Kế toán sử dụng tài khoản TK 212 - TSCĐ thuê tài chính để theo dõi tình hình thuê TSCĐ dài hạn.

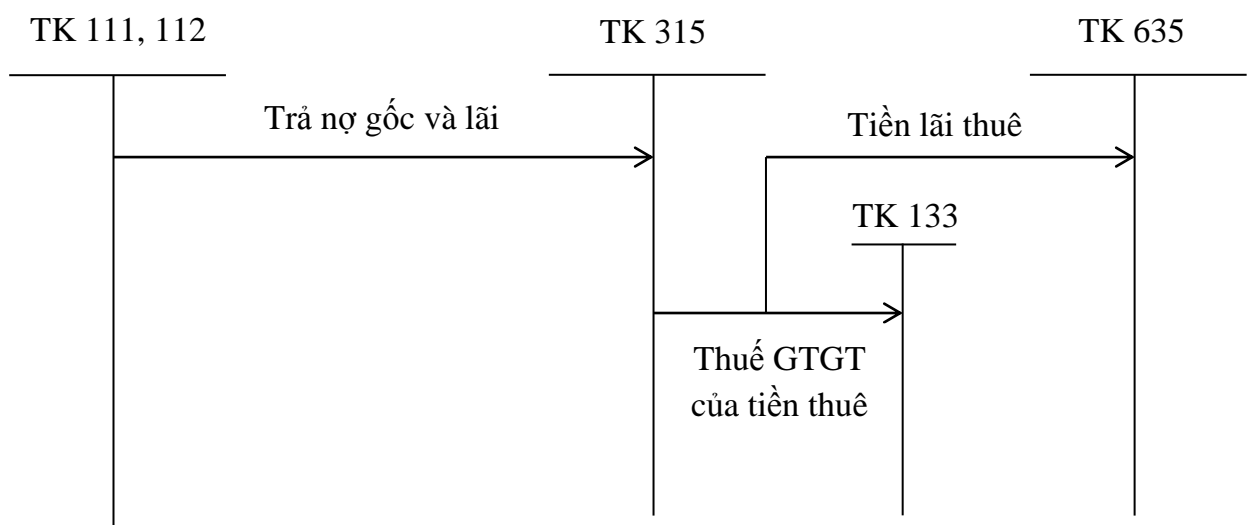
Kế toán TSCĐ thuê tài chính

Sơ đồ 1.14 Sơ đồ hạch toán TSCĐ thuê tài chính

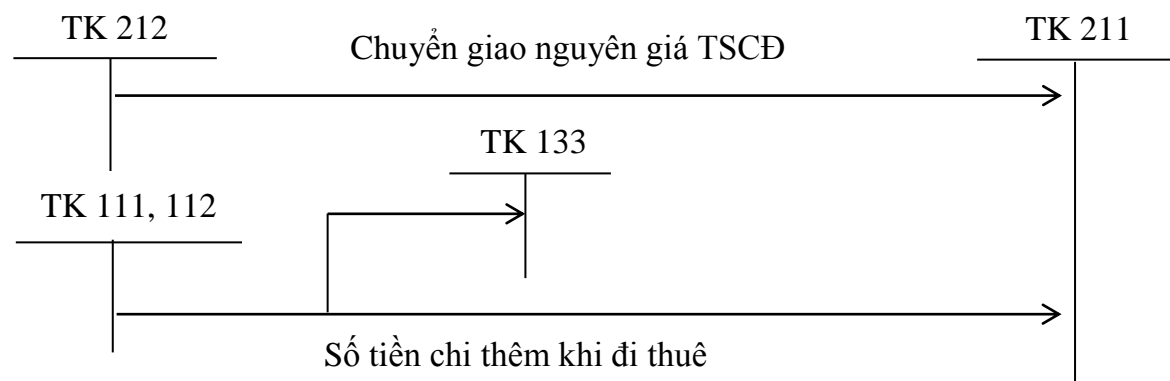
Khi thực hiện hợp đồng thuê TSCĐ thuê tài chính, bên đi thuê nhận TSCĐ về:



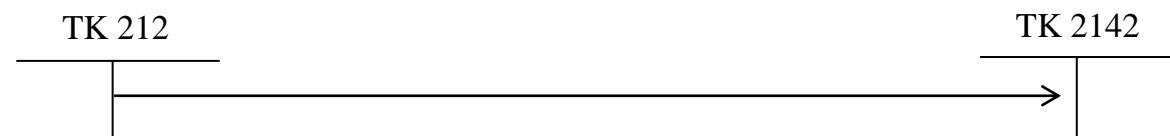
Hạch toán tiền lãi thuê:



Khi kết thúc hợp đồng thuê, nếu bên đi thuê được chuyển giao quyền sở hữu TSCĐ:



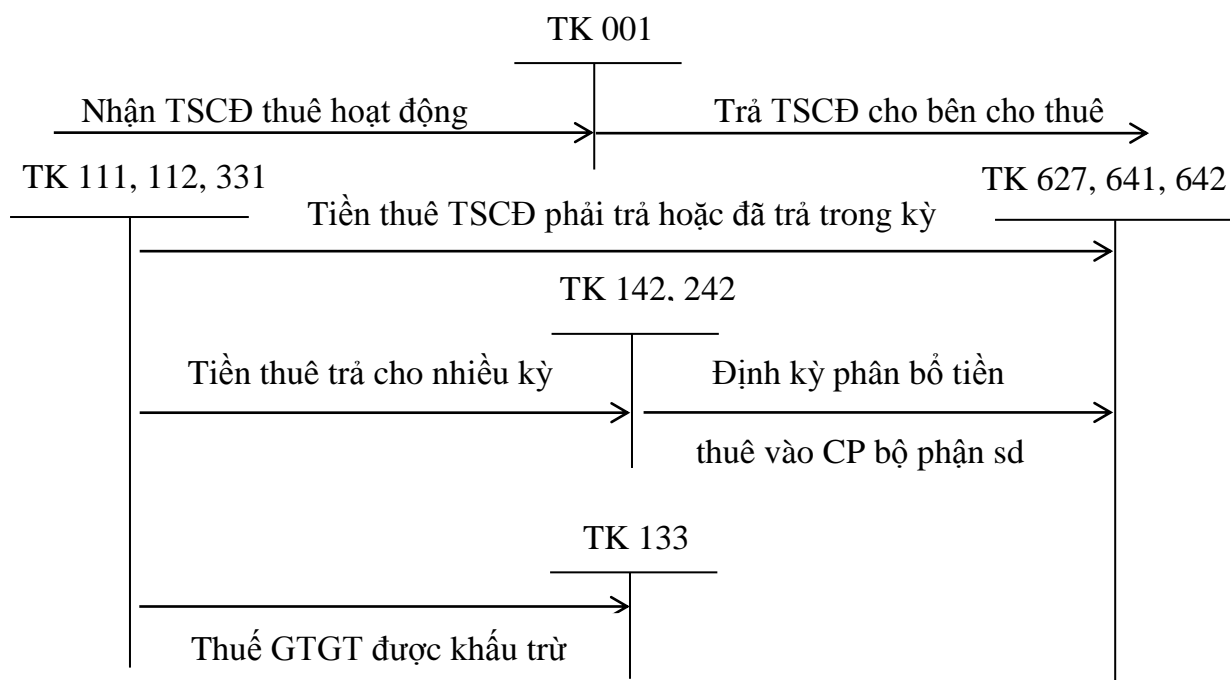
Nếu trả lại TSCĐ cho bên cho thuê vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê:



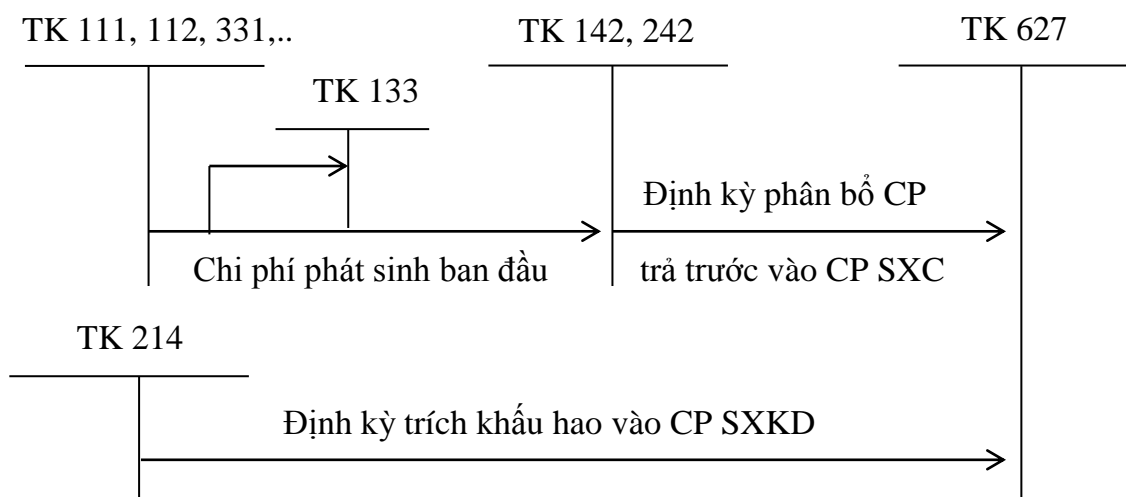
Kế toán TSCĐ thuê hoạt động

Thuê TSCĐ theo phương thức thuê hoạt động DN cũng phải ký hợp đồng với bên cho thuê, trong đó ghi rõ TSCĐ thuê, thời gian sử dụng, giá cả, hình thức thanh toán và các cam kết khác. DN phải theo dõi TSCĐ thuê hoạt động ở tài khoản ngoài bảng: TK 001 - TSCĐ thuê ngoài.

Sơ đồ 1.15 Sơ đồ kế toán TSCĐ thuê hoạt động tại bên đi thuê



Sơ đồ 1.16 Sơ đồ kế toán TSCĐ thuê hoạt động tại bên cho thuê



1.2.5 Hạch toán khấu hao TSCĐ

1.2.5.1 Bản chất của khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định không bền mãi với thời gian mà giá trị sử dụng của nó bị giảm dần dưới tác động của nhiều nhân tố. Sự giảm dần này là do hiện tượng hao mòn gây nên, bao gồm cả hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình.

Hao mòn hữu hình là hao mòn TSCĐ do quá trình sử dụng bị ăn mòn hay do điều kiện tự nhiên tác động. Mức độ hao mòn hữu hình tỷ lệ thuận với thời gian và cường độ sử dụng TSCĐ.

Hao mòn vô hình là sự hao mòn TSCĐ do sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Nhờ sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật mà nhiều thế hệ TSCĐ mới với tính năng ưu việt hơn ra đời. Sự hiện diện của những thế hệ hiện đại này làm cho TSCĐ bị giảm giá trị.

Hao mòn TSCĐ là phạm trù có tính trừu tượng. Vì vậy nó cần phải được thể hiện dựa trên một căn cứ cụ thể nào đó. Trên thực tế, để thu hồi lại giá trị hao mòn của TSCĐ người ta tiến hành tính khấu hao bằng cách chuyển phần giá trị hao mòn này vào giá trị sản phẩm làm ra. Như vậy, khấu hao TSCĐ chính là sự biểu hiện bằng tiền của phần giá trị tài sản đã hao mòn. Khấu hao TSCĐ là một phạm trù có tính chủ quan.

Việc tính khấu hao TSCĐ có ý nghĩa rất lớn. Trước hết khấu hao cho phép doanh nghiệp phản ánh được giá trị thực tế của TSCĐ, ghi nhận sự giảm giá TSCĐ. Mặt khác khấu hao là một phương tiện tài trợ giúp cho doanh nghiệp thu được bộ phận giá trị đã mất của TSCĐ. Khấu hao TSCĐ là quá trình chuyển dần giá trị TSCĐ một cách có kế hoạch vào chi phí SXKD, do vậy tính khấu hao chính xác sẽ góp phần xác định chi phí SXKD chính xác hơn. Hơn nữa khấu hao là một khoản chi phí hợp lý, hợp lệ được tính trừ vào lợi tức chịu thuế làm cho thuế thu nhập của doanh nghiệp phải nộp cho Nhà

nước giảm đi góp phần cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.2.5.2 Các phương pháp tính khấu hao

Việc lựa chọn phương pháp tính khấu hao thích hợp cho doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng. Trước hết nó góp phần bảo toàn vốn cố định, tránh hao mòn vô hình một cách hữu hiệu và góp phần xác định giá thành chính xác, tránh được hiện tượng lãi giả lỗ thật đang còn tồn tại ở các doanh nghiệp.

Theo quy định hiện hành có 3 phương pháp tính khấu hao là:

- Phương pháp khấu hao đường thẳng
- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh
- Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm

Các phương pháp khấu hao này phân bổ các số tiền khác nhau vào chi phí khấu hao cho các thời kỳ khác nhau. Tuy vậy tổng số tiền khấu hao là bằng nhau và bằng giá trị phải khấu hao qua suốt thời gian hữu dụng của TSCĐ.

* Phương pháp khấu hao đường thẳng

Phương pháp này còn gọi là phương pháp khấu hao đều, hay khấu hao tuyến tính. Theo phương pháp này thì mức khấu hao hàng năm là bằng nhau và được xác định như sau:

$$\text{Mức khấu hao hàng năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng ước tính}}$$

Ưu điểm nổi bật của phương pháp này là đơn giản, dễ tính. Mức khấu hao được phân bổ vào giá thành này một cách đều đặn. Tuy nhiên phương pháp này chỉ phù hợp với những TSCĐ mà mức đóng góp, cống hiến cho DN là tương đối đồng đều giữa các kỳ.

* Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Đây là phương pháp đưa lại số khấu hao rất lớn trong những năm đầu của thời gian sử dụng của TSCĐ và càng về những năm sau mức khấu hao càng giảm dần.

Theo như thông tư số 45/2013/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 10/06/2013 quy định thì mức trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh được xác định như sau:

Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Doanh nghiệp xác định mức trích khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu

theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó, tỷ lệ khấu hao nhanh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh(\%)} = \text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Tỷ lệ khấu hao theo phương pháp đường thẳng được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng(\%)} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao của TSCĐ như sau:

Thời gian trích khấu hao của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Dưới 4 năm	1,5
Từ 4 đến 6 năm	2,0
Trên 6 năm	2,5

Những năm cuối khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

* Phương pháp khấu hao theo sản lượng

Phương pháp này được dùng để xác định khấu hao của các loại máy móc, thiết bị thoả mãn các điều kiện: Thứ nhất là trực tiếp liên quan đến việc sản xuất các sản phẩm, thứ hai là xác định tổng khối lượng và khối lượng sản phẩm theo công suất thiết kế của TSCĐ, cuối cùng là công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 50% công suất thiết kế.

Công thức xác định khấu hao trong tháng của TSCĐ:

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \text{Số sản phẩm, sản lượng sản xuất trong tháng} \times \text{Mức khấu hao đơn vị của sản phẩm}$$

Trong đó:

$$\text{Mức khấu hao đơn vị của sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

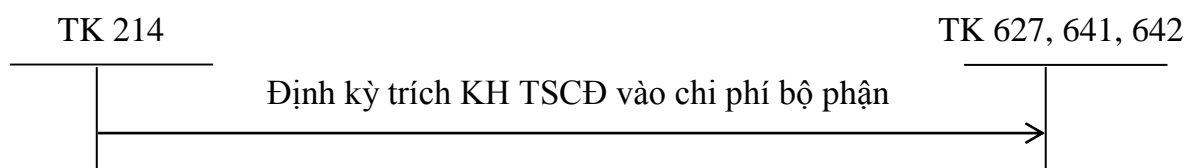
Mức khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm. Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá TSCĐ thay đổi thì cần phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.2.5.3 Hạch toán khấu hao TSCĐ

Để hạch toán khấu hao TSCĐ kế toán sử dụng tài khoản sau:

- TK 214: Hao mòn TSCĐ
- TK 627: Chi phí sản xuất chung
- TK 641: Chi phí bán hàng
- TK 642: Chi phí quản lý DN

Sơ đồ 1.17 Kế toán khấu hao TSCĐ

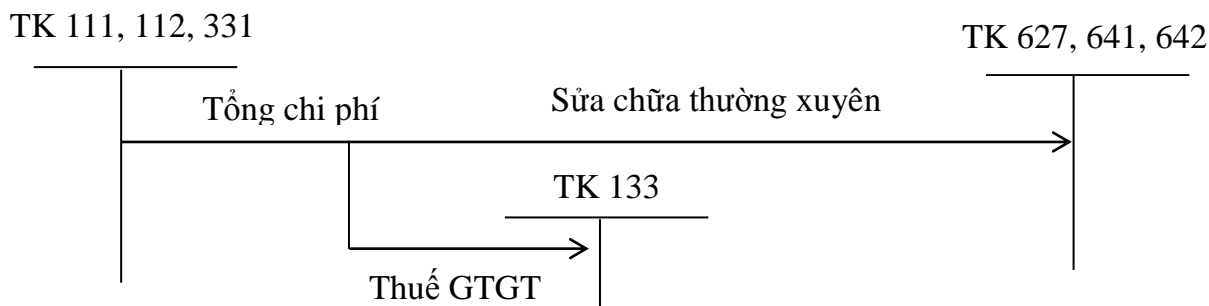


1.2.6 Hạch toán sửa chữa TSCĐ

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn và hư hỏng cần phải sửa chữa, thay thế để khôi phục năng lực hoạt động. Công việc sửa chữa có thể do DN tự làm hoặc thuê ngoài và được tiến hành theo kế hoạch hay ngoài kế hoạch. Tùy theo quy mô, tính chất công việc sửa chữa, kế toán sẽ phản ánh vào các tài khoản thích hợp.

Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ: Công việc sửa chữa thường xuyên diễn ra theo định kỳ hàng tháng, chi phí sửa chữa nhỏ, hoạt động sửa chữa mang tính chất bảo dưỡng duy tu TSCĐ.

Sơ đồ 1.18 Sơ đồ kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ



Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ: Sửa chữa lớn TSCĐ là công việc sửa chữa có tính chất khôi phục năng lực hoạt động của TSCĐ, thay thế các bộ phận quan trọng của nó, thời gian diễn ra nghiệp vụ sửa chữa lớn thường kéo dài, chi phí sửa chữa chiếm một tỷ trọng đáng kể so với chi phí kinh doanh của từng kỳ hạch toán. Vì vậy theo nguyên tắc phù hợp, chi phí sửa chữa lớn được phân bổ vào chi phí kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán khác nhau.

- Trong quan hệ với công tác kế hoạch, nghiệp vụ sửa chữa lớn TSCĐ được chia thành 2 loại là sửa chữa TSCĐ theo kế hoạch và sửa chữa TSCĐ ngoài kế hoạch.

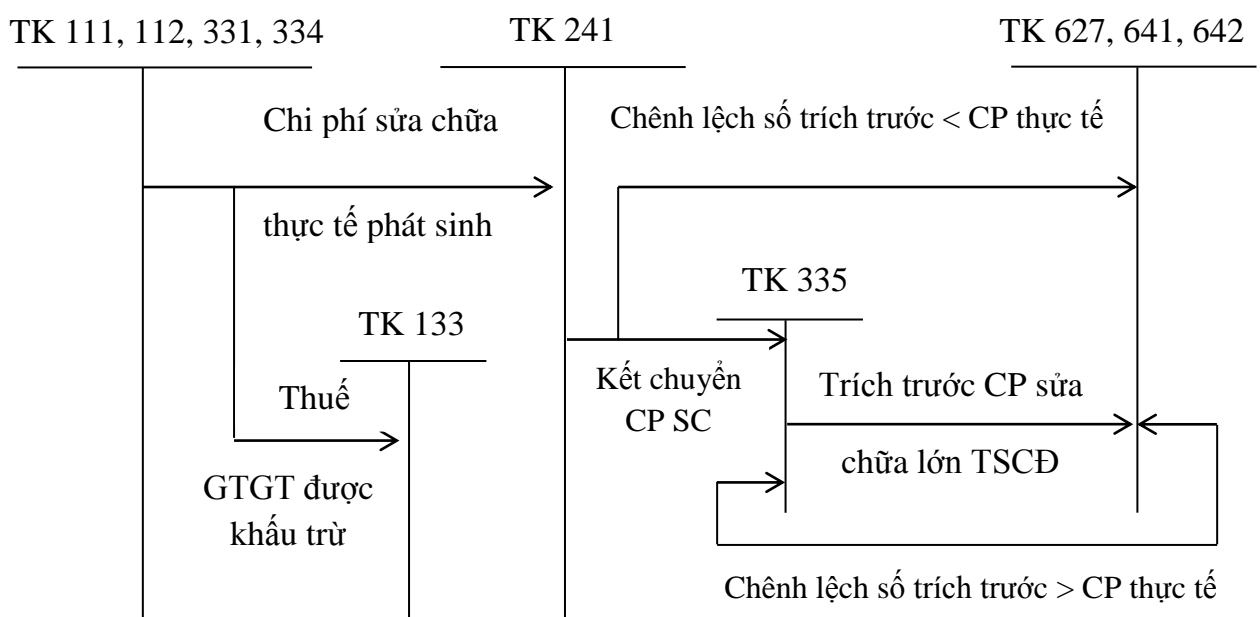
+ Sửa chữa lớn theo kế hoạch là sửa chữa những TSCĐ mà DN có dự kiến từ trước, đã được lập dự toán. Vì vậy, trong trường hợp này kế toán trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ vào chi phí kinh doanh.

+ Sửa chữa lớn ngoài kế hoạch là sửa chữa những TSCĐ hư hỏng nặng ngoài dự kiến của DN. Vì vậy, chi phí sửa chữa phải phân bổ vào chi phí kinh doanh của những kỳ hạch toán sau khi nghiệp vụ sửa chữa đã hoàn thành.

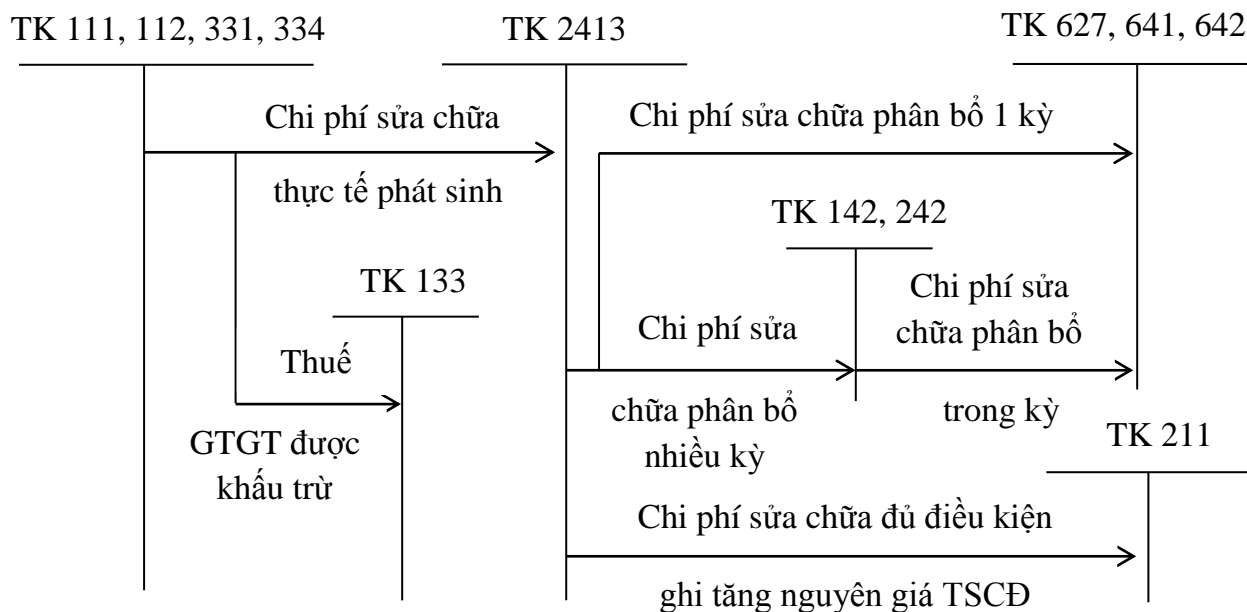
Sửa chữa nâng cấp TSCĐ

Đây là loại hình sửa chữa có tính chất tăng thêm tính năng hoạt động của TSCĐ hoặc kéo dài tuổi thọ của nó. Bản chất của nghiệp vụ sửa chữa nâng cấp TSCĐ là nghiệp vụ đầu tư bổ sung cho TSCĐ. Sau khi quá trình sửa chữa nâng cấp hoàn thành, căn cứ vào giá thành thực tế của công việc sửa chữa và giá trị còn lại của TSCĐ được nâng cấp, kế toán sẽ tiến hành xác định nguyên giá mới cho TSCĐ.

Sơ đồ 1.19 Sơ đồ sửa chữa lớn TSCĐ theo kế hoạch



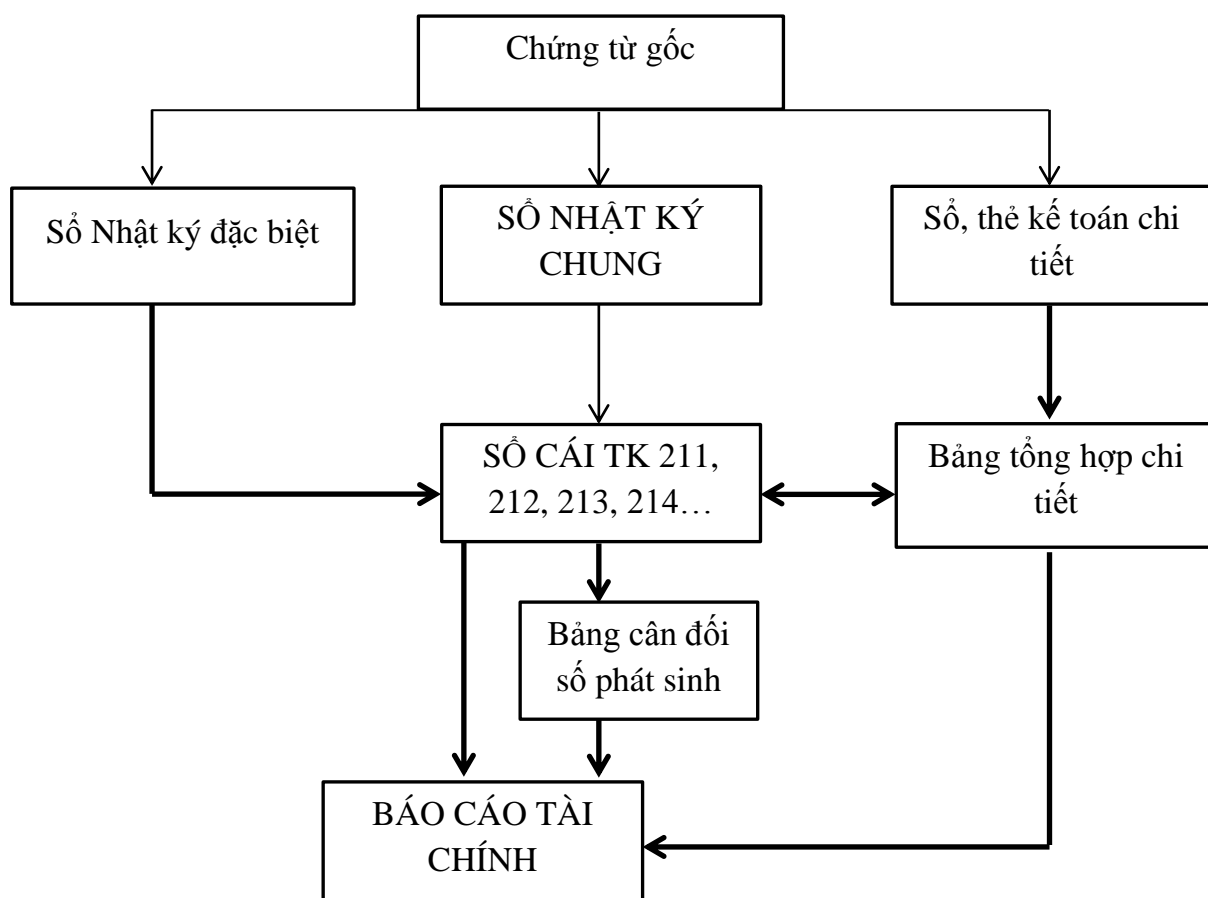
Sơ đồ 1.20 Sơ đồ sửa chữa lớn TSCĐ ngoài kế hoạch, nâng cấp



1.2.7 Hình thức sổ kế toán sử dụng

1.2.7.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

Sơ đồ 1.21 Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

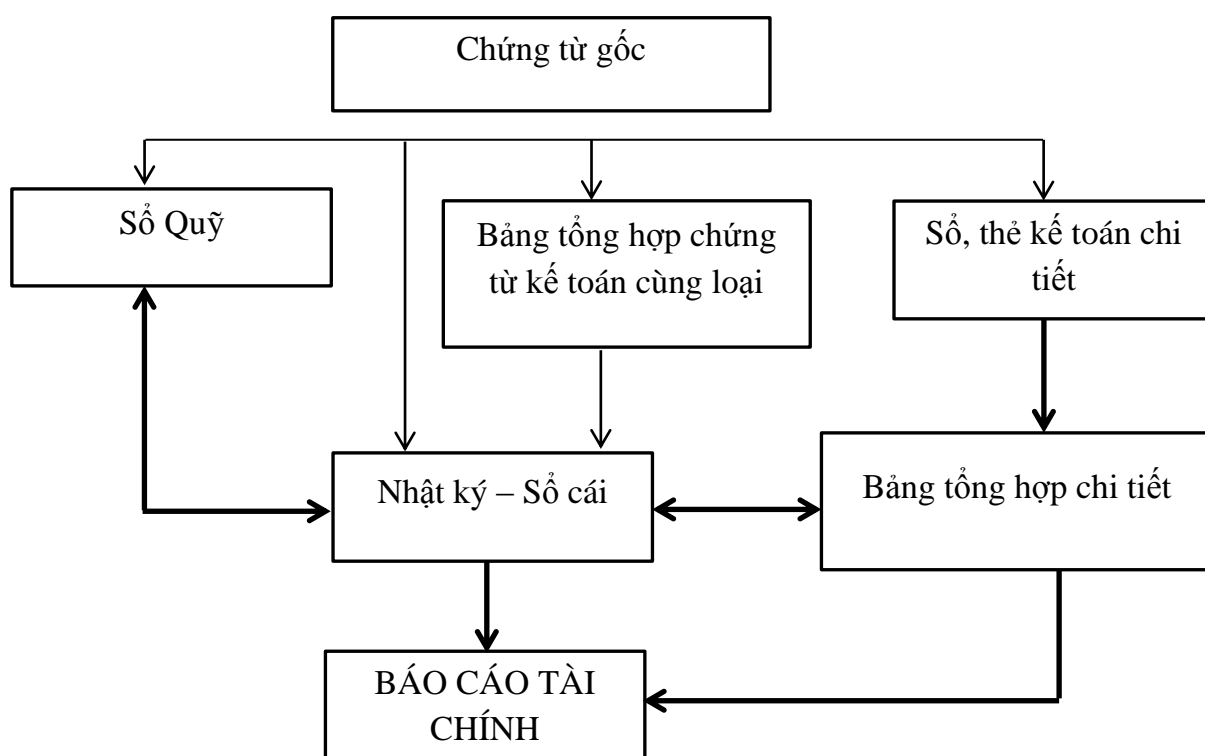
- Ghi cuối ngày
- Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiều

1.2.7.2 Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái

Điều kiện áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

- Áp dụng cho mọi loại hình hoạt động kinh doanh đơn nhất (để tránh sổ quá lớn), thường dùng trong đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái thường được sử dụng trong các DN có quy mô vừa và nhỏ, dùng ít tài khoản, có ít nghiệp vụ phát sinh và có trình độ quản lý và khả năng kế toán thấp và ít.

Sơ đồ 1.23 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

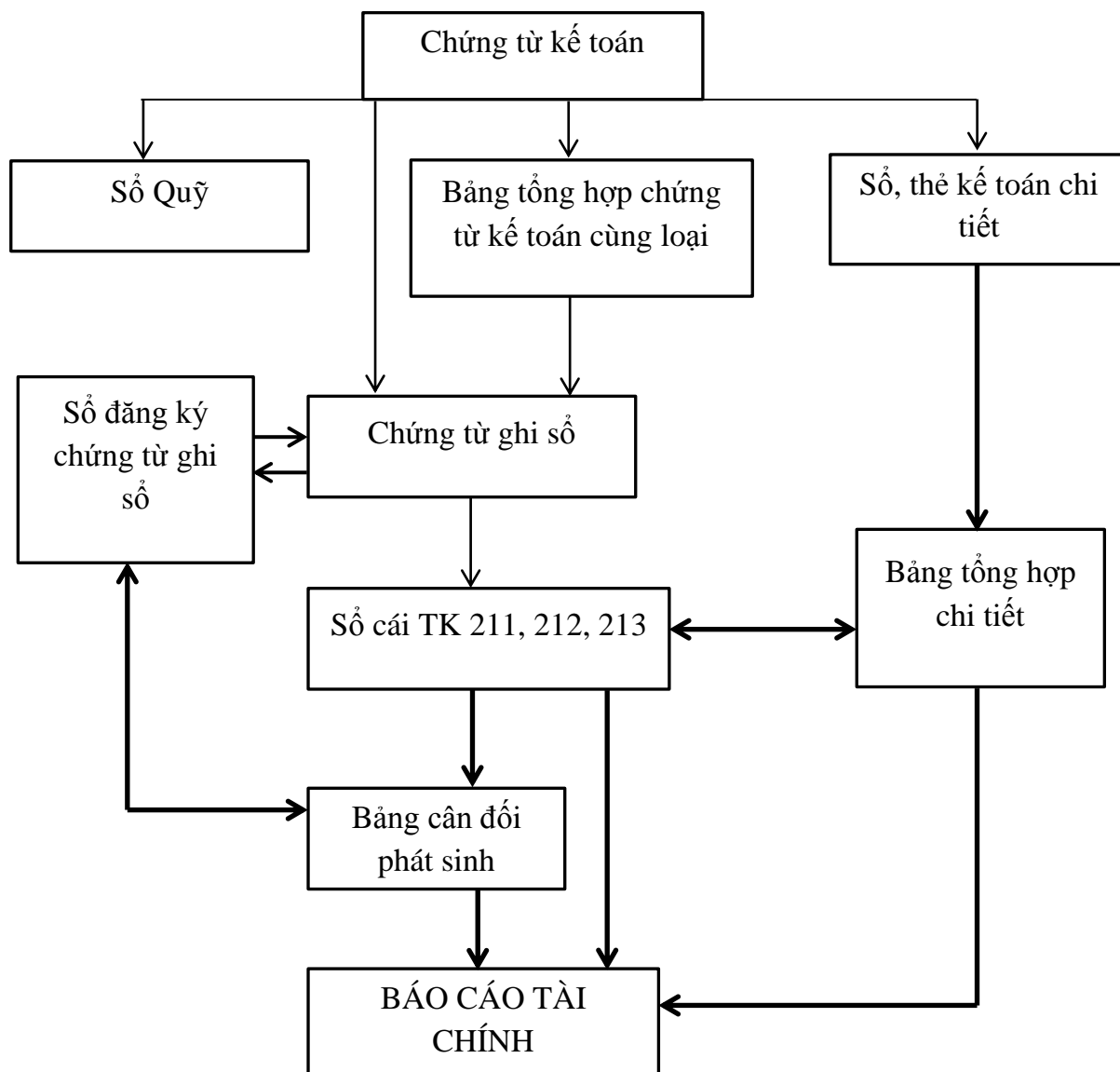
- Ghi cuối ngày
- Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiều

1.2.7.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Điều kiện áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

- Thích hợp với mọi loại quy mô đơn vị sản xuất kinh doanh cũng như đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Phù hợp với cả hình thức kế toán máy và kế toán thủ công.

Sơ đồ 1.24 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi cuối ngày
- Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiều

1.2.7.4 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

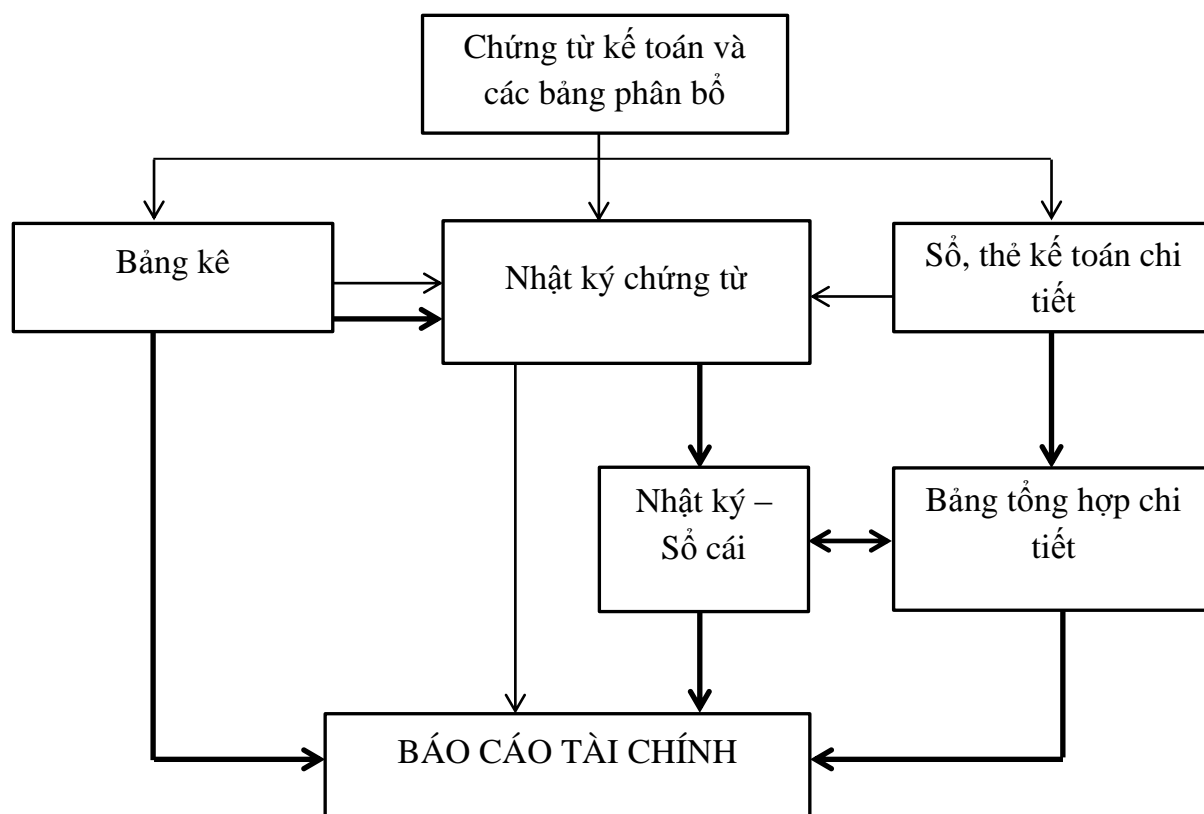
Điều kiện áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ:

- Hình thức Nhật ký chứng từ áp dụng cho các DN có quy mô kinh doanh lớn, loại hình kinh doanh phức tạp, có trình độ quản lý cao, yêu cầu thông tin nhiều và nhanh.
- Áp dụng có hiệu quả trong điều kiện kế toán thủ công.
- Hình thức này tiết kiệm một nửa khối lượng hạch toán, thuận lợi cho công tác đối chiếu kiểm tra giữa các kênh hạch toán (kênh hạch toán chi tiết và tổng hợp của một

đối tượng hay nhiều đối tượng).

- Tuy nhiên, hình thức này có hệ thống sổ quá phức tạp, yêu cầu trình độ kế toán.

Sơ đồ 1.25 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ



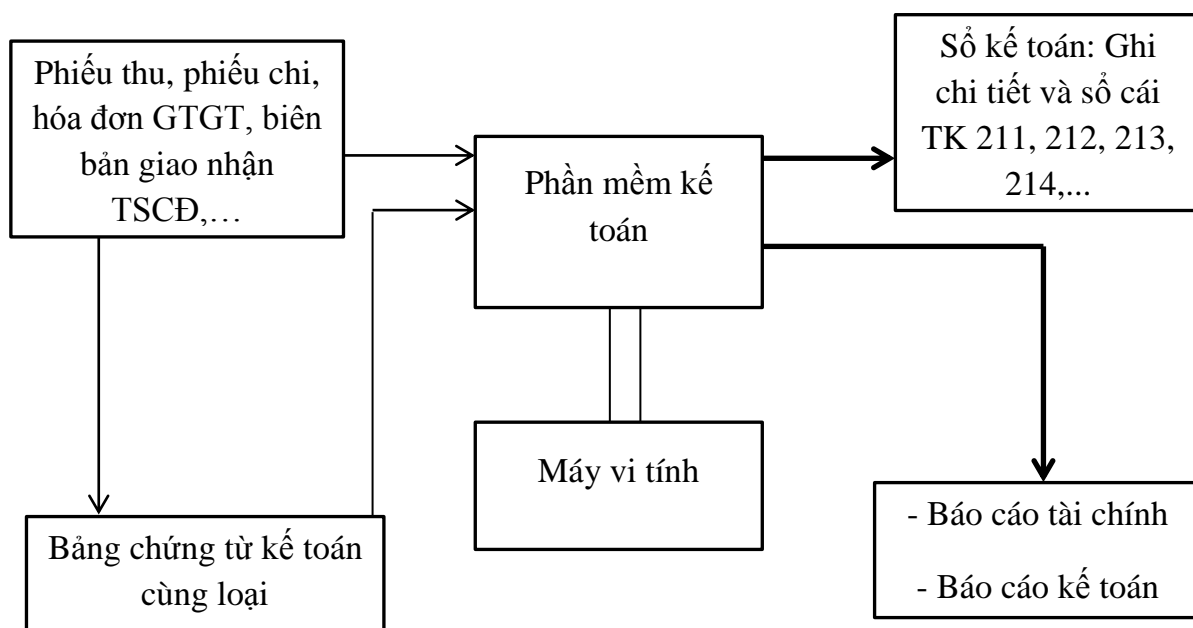
Ghi chú:

- Ghi cuối ngày
- Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

1.2.7.5 Hình thức kế toán sử dụng phần mềm kế toán

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng lại in được đầy đủ sổ kế toán và BCTC theo qui định.

Sơ đồ 1.26 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



Ghi chú:

- Ghi cuối ngày
→ Ghi cuối tháng

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ SPILIT

2.1 Khái quát chung về Công ty CP Đá Spilit

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Thông tin cụ thể về Công ty CP Đá Spilit được thể hiện chi tiết như sau:

Tên tiếng anh: Stone Company Spilit

Tên viết tắt: Spilit

Trụ sở chính: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 037.3621880

MST: 2801330959

Fax: 037.3621880

Website: spilit.com.vn

Vốn điều lệ đăng ký: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)

Vốn thực góp: 25.000.000.000 đồng

Công ty cổ phần Đá Spilit thành lập ngày 13 tháng 04 năm 2009 với đăng ký kinh doanh số 2801330959 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ ban đầu là 1.200.000.000 VNĐ, gồm 4 cổ đông: 2 cá nhân là ông Đoàn Quốc Tuấn, ông Nguyễn Văn Phái và 2 tổ chức là Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình, Hợp tác xã Công nghiệp Tân Sơn. Ngành nghề kinh doanh chính là khai thác quặng kim loại màu, khai thác các loại khoáng sản, dịch vụ khoan nổ mìn, khai thác đá, sản xuất đá xẻ và hoàn thiện đá xẻ. Giám đốc cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Văn Phái.

Ngày 07 tháng 04 năm 2010 Công ty cổ phần Đá Spilit thay đổi lại đăng ký kinh doanh và tăng vốn của công ty từ 1.200.000.000 VNĐ lên 3.500.000.000 VNĐ, đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật và giám đốc công ty là ông Trần Quế Lâm.

Ngày 05 tháng 05 năm 2011 Công ty cổ phần Đá Spilit thay đổi lại đăng ký kinh doanh đồng thời tăng vốn của công ty từ 3.500.000.000 VNĐ lên 30.000.000.000 VNĐ, và đăng ký thêm một số ngành nghề sản xuất kinh doanh như lắp đặt hệ thống điện, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi, thạch cao... Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất vào ngày 1/3/2012

Kể từ khi thành lập đến nay, công ty CP Đá Spilit luôn phát triển một cách vững chắc. Công ty Spilit luôn chú trọng:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư chiều sâu, nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý điều hành.
- Cải tiến nâng cao năng suất sản xuất các loại sản phẩm, đảm bảo chất lượng, kiểu mẫu khi đến tay người tiêu dùng.
- Không ngừng cải tiến các mẫu mã sản phẩm cho phù hợp với từng vùng miền, từng công trình cụ thể. Nghiên cứu nhằm tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao trên thị trường chế tác các sản phẩm từ đá.
- Tập trung nâng cao khả năng bán hàng, ngoài sản phẩm chế tác từ đá sẽ tiến hành phân phối đá vôi cho các nhà máy xi măng trên các địa bàn lân cận.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

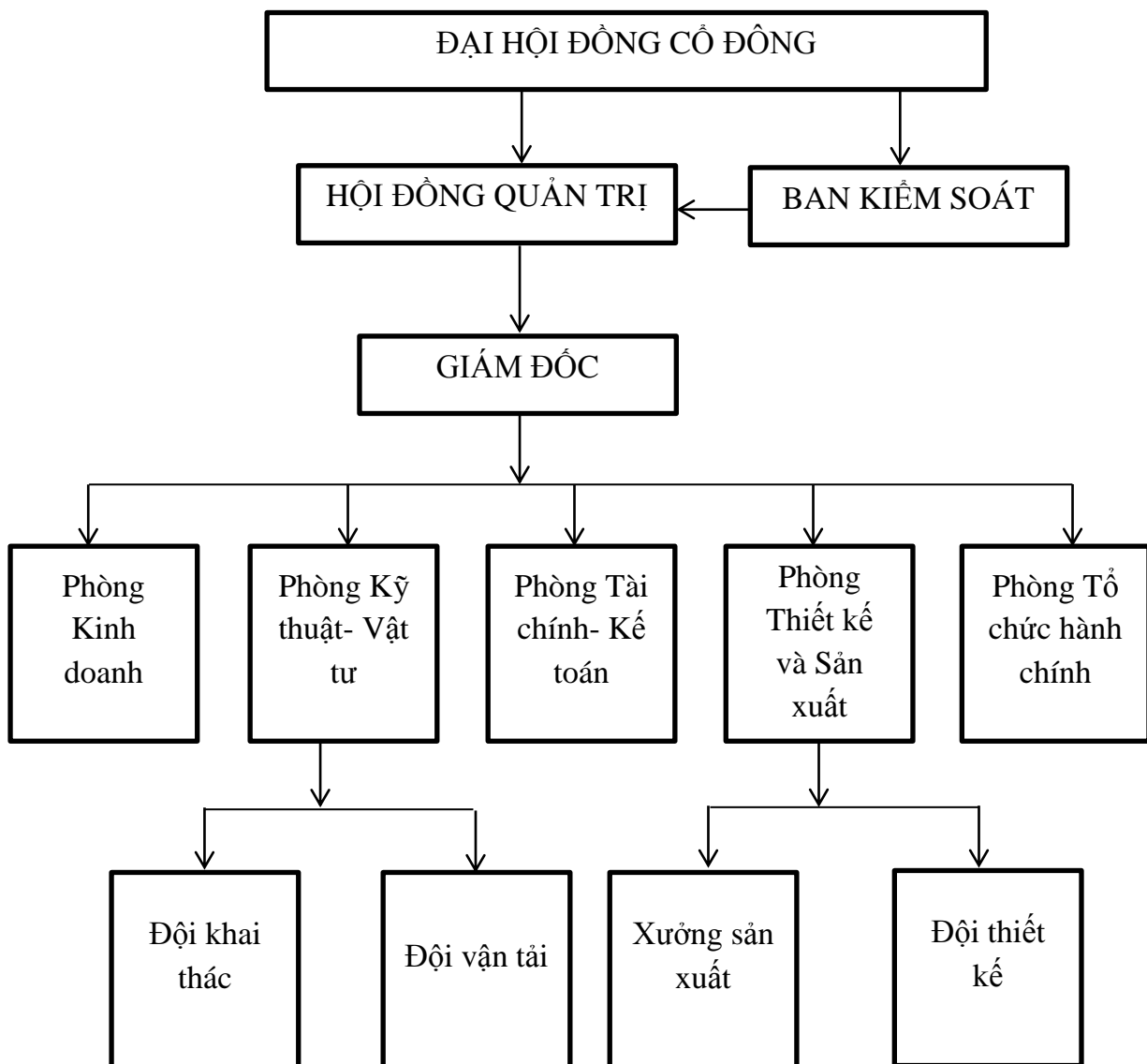
2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất gạch)
- Khai thác và chế biến các loại khoáng sản
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (sản xuất vôi)
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Khai thác và chế biến các loại khoáng sản trừ quặng uranium, quặng thorium, quặng sắt, crom và khoáng sản Nhà nước cấm)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Khai thác và thu gom than cứng
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (Dịch vụ khoan nổ mìn)
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nito (sản xuất phân lân hữu cơ sinh học)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng công trình thủy lợi)
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa

- Khai thác và thu gom than non
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Đại lý, mô giới, đấu giá (không bao gồm mô giới, đấu giá bất động sản)
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty cổ phần Đá Spilit



(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính)

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông của Công ty. Đại Hội đồng cổ đông thường kì một năm họp một lần để:

+ Tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh qua một năm tài chính .

- + Biểu quyết về chiến lược và các kế hoạch phát triển công ty trong thời gian tới.
- + Giải quyết những vấn đề quan trọng khác liên quan đến đường lối phát triển.
- + Bầu ra ban kiểm soát và hội đồng quản trị của Công ty

Hội đồng quản trị: là cơ quan cao nhất của Công ty Cổ phần Đá Spilit, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, phù hợp với các quy định của Pháp luật trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quyết định.

Ban kiểm soát: là tổ chức do ĐHĐCĐ bổ nhiệm và bãi miễn với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong đó chức năng chính của Ban kiểm soát là thay mặt cổ đông để kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

Giám đốc: là người có quyền hành cao nhất, đại diện cho Công ty theo pháp luật, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Các phòng ban chức năng: có chức năng tham mưu và giúp việc cho Bộ máy quản lý, trực tiếp hoạt động và điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Bộ máy quản lý như: Phòng Kỹ thuật – Vật tư, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế toán- tài chính, Phòng Thiết kế và Sản xuất, Phòng Tổ chức hành chính.

Ngoài ra công ty còn có:

- *Đội khai thác:* Có nhiệm vụ trực tiếp tham gia vào quá trình khai thác các loại đá quặng nằm trong danh mục khai thác của công ty.
- *Đội vận tải:* Có nhiệm vụ chuyên chở các loại nguyên vật liệu, vật tư, đá, khoáng sản,... từ đại điểm khai thác về kho và ngược lại
- *Xưởng sản xuất:* Có nhiệm vụ chế biến các loại khoáng sản, sản xuất xi măng, vôi, thạch cao, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (sản xuất gạch), sản xuất phân bón,...
- *Đội thiết kế:* Có nhiệm vụ tạo dựng và thiết kế ra các thành phẩm hỗ trợ cho phòng thiết kế và sản xuất hoàn thành tốt công việc của mình.

2.1.3 Đặc điểm công tác kế toán tại công ty CP Đá Spilit

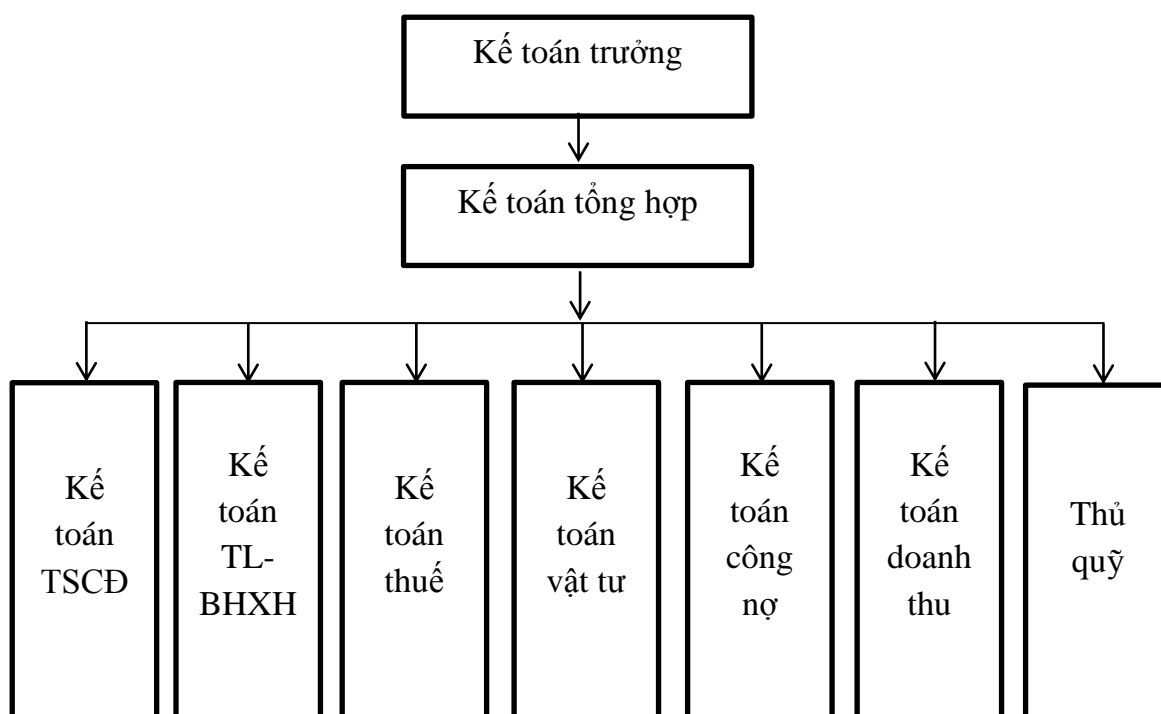
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty CP Đá Spilit tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Với hình thức này toàn bộ công việc kế toán trong Công ty đều được tiến hành xử lý tại phòng kế toán của Công ty. Do đó đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất đối với công tác

chuyên môn, kiểm tra, xử lý các thông tin kế toán được kịp thời, chặt chẽ, thuận tiện cho việc phân công lao động và chuyên môn hoá. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay bộ máy kế toán của Công ty gồm 9 người. Trong đó có 1 kế toán trưởng (kiêm trưởng phòng), 1 phó phòng kế toán (kiêm kế toán tổng hợp), và 7 nhân viên (mỗi người được phân công theo dõi từng phần khác nhau). Khối lượng công việc của Công ty rất nhiều, do vậy mọi người đều đảm nhiệm phần việc nặng nề, đòi hỏi phải có sự cố gắng và tinh thần trách nhiệm cao.

Sơ đồ 2.2 Bộ máy kế toán của Công ty CP Đá Spilit



(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

Phòng kế toán gồm 09 người mỗi người giữ một chức năng riêng nhưng lại được thống nhất liên kết chặt chẽ với nhau.

- *Kế toán trưởng*: là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và cơ quan pháp luật về tình hình hạch toán kế toán và tình hình tài chính của Công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ, kiểm việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản, phát hiện ngăn ngừa vi phạm pháp luật về tài chính kế toán. Phân tích thông tin số liệu kế toán tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế trong Công ty.

- *Kế toán tổng hợp*: theo dõi toàn bộ phần vốn kinh doanh của công ty, định kỳ lập báo cáo tài chính và tham mưu cho Kế toán trưởng.
- *Kế toán doanh thu*: phản ánh doanh thu trong từng kỳ báo cáo, giúp lãnh đạo nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty qua các thời kỳ.
- *Kế toán TSCĐ*: ghi chép theo dõi toàn bộ sự biến động tăng, giảm của toàn bộ tài sản trong Công ty, theo dõi trích khấu hao, sửa chữa TSCĐ, tham mưu cho lãnh đạo sử dụng tốt TSCĐ hiện có.
- *Kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội (Kế toán TL - BHXH)*: theo dõi các nghiệp vụ thanh toán lương hàng tháng, lập bảng phân bổ lương và các khoản bảo hiểm. Ngoài ra theo dõi tình hình thu nộp bảo hiểm xã hội.
- *Kế toán thanh toán và công nợ*: theo dõi thu chi hàng ngày, ghi chép tình hình công nợ của các khoản nợ phải thu và nợ phải trả, tạo điều kiện cho Công ty chủ động vốn trong kinh doanh.
- *Kế toán vật tư*: ghi chép vật tư nhập xuất và tình hình tồn đọng vật tư trong kho của Công ty, giúp lãnh đạo biết được tình hình để có hướng cho từng kỳ sản xuất.
- *Kế toán thuế*: theo dõi thuế giá trị gia tăng đầu vào và các mẫu biểu, các sổ chi tiết thuế giá trị gia tăng.
- *Thủ quỹ*: là người trực tiếp quản lý quỹ tiền mặt của Công ty.

2.1.3.2 Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty CP Đá Spilit

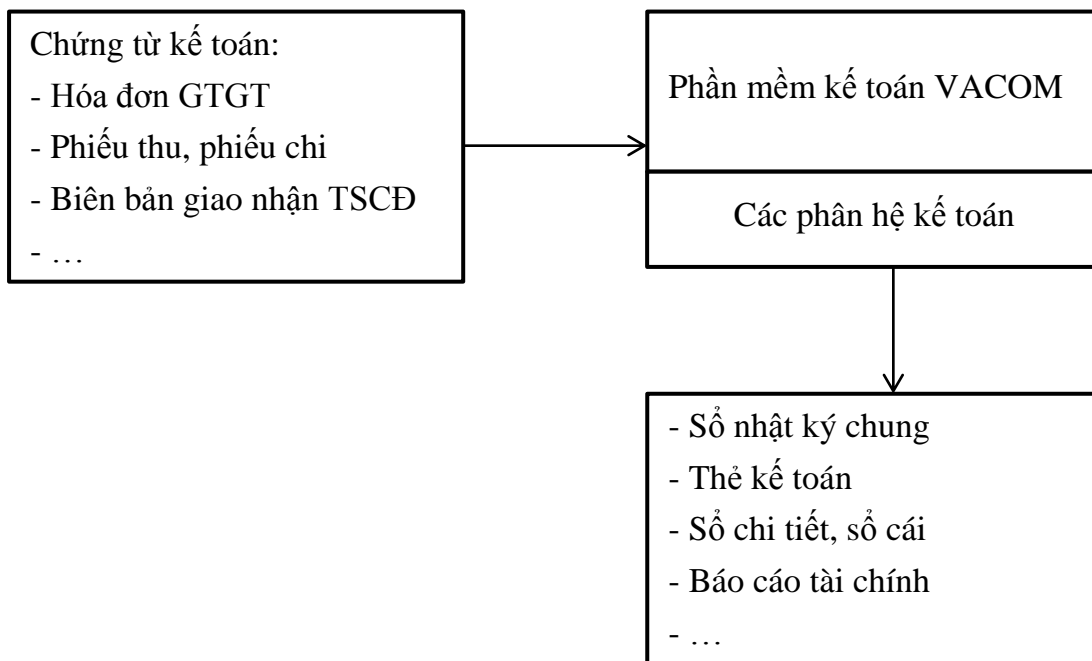
Để phù hợp với quy mô, trình độ quản lý và yêu cầu của công tác kế toán, công ty CP Đá Spilit áp dụng hình thức Nhật ký chung để tổ chức công tác kế toán của mình và một phần công tác kế toán được thực hiện trên máy vi tính. Công ty sử dụng phần mềm kế toán VACOM để hạch toán các nghiệp vụ kế toán phát sinh, VACOM là một trong những phần mềm kế toán được nhiều doanh nghiệp tin dùng bởi:

- Khả năng tương tác cao: dù ngồi ở nhà, quán café hay bất cứ đâu vẫn quản lý được phần mềm kế toán chỉ cần có mạng internet. Trong trường hợp mất mạng phần mềm vẫn hoạt động bình thường, đến khi kết nối mạng dữ liệu sẽ tự động gửi về máy chủ.
- Làm việc online: phần mềm kế toán VACOM cho phép người sử dụng truyền và nhận số liệu tự động hoặc theo lịch từ các đơn vị thành viên hạch toán độc lập hoặc phụ thuộc, từ các chi nhánh lên sever.
- Mạnh mẽ, ổn định với cơ sở dữ liệu SQL: đây là cơ sở dữ liệu tối ưu và thông dụng nhất hiện nay đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn về bảo mật theo tiêu chuẩn quốc tế.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra hoặc bảng tổng

hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra để nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán theo các phân hệ cụ thể.

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy



(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

Hiện nay, công ty CP Đá Spilit áp dụng chế độ kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán DN Việt Nam được ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.
- Kỳ hạch toán: theo tháng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao cho TSCĐ như sau:

Nhóm TSCĐ	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12
Phương tiện vận tải	6- 8
Máy móc, thiết bị	3-8
Thiết bị quản lý	3

2.2 Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit

Để phản ánh công tác kế toán TSCĐ tại công ty CP Đá Spilit em xin chọn kỳ kế toán tháng 12 năm 2012 để minh họa.

2.2.1 Đặc điểm TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit

Công ty CP Đá Spilit có lĩnh vực kinh doanh chính là khai thác và chế biến khoáng sản. Vì vậy công tác kế toán TSCĐ tại công ty là một trong những nhiệm vụ quan trọng và cần thiết, TSCĐ được xem như là “xương sống” của công ty để công ty có thể hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả.

Ngày nay khi khoa học, công nghệ ngày càng phát triển thì việc sử dụng máy móc, trang thiết bị hiện đại vào công tác quản lý và sản xuất của công ty là không thể thiếu. Thêm nữa TSCĐ là những tài sản có giá trị lớn (từ 30 triệu trở lên), thời gian hữu dụng trên một năm, giá trị ban đầu của tài sản được xác định một cách đáng tin cậy và là tài sản chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai. Xác định được điều đó, công ty cổ phần Đá Spilit đã có một cách nhìn nhận thực tế, năng động, sáng tạo trong quá trình đầu tư TSCĐ.

2.2.2 Phân loại TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit

Phân loại TSCĐ là việc dựa trên các tiêu thức khác nhau để sắp xếp chúng thành từng nhóm, loại khác nhau để thuận lợi cho việc ghi chép, phản ánh sự biến động phục vụ cho việc quản lý có hiệu quả. Công ty đã tiến hành phân loại TSCĐ của mình như sau:

Bảng 2.1 Phân loại TSCĐ hữu hình theo đặc trưng kỹ thuật kết hợp với hình thái biểu hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đơn vị: VNĐ)

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.947.188.000	499.320.261	7.447.867.739
Máy móc thiết bị	5.579.649.091	775.829.760	4.803.819.331
Phương tiện vận tải	698.342.000	184.838.085	513.503.915
Thiết bị quản lý	251.717.273	16.875.000	234.842.273
Tổng	14.476.896.364	1.476.863.106	13.000.033.258

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

Bên cạnh TSCĐ hữu hình, công ty còn có TSCĐ vô hình là Quyền khai thác mỏ đá có nguyên giá là 200 triệu đồng, thời gian khấu hao là 3 năm và được bắt đầu tính khấu hao từ năm 2009 đến năm 2012 thì kết thúc khấu hao. Vào ngày 09/3/2012 chính phủ ra nghị định số 15/2012/NĐ-CP quy định không cho các địa phương cấp quyền khai thác mỏ cho DN nên từ đó công ty CP Đá Spilit không còn Quyền khai thác mỏ đá nữa mà chuyển sang đăng kí khai thác với tỉnh Thanh Hóa cứ 6 tháng một lần. Chi phí này công ty hạch toán vào TK 142 và phân bổ dần vào chi phí từng tháng.

2.2.3 Tài khoản sử dụng

Danh mục tài khoản kế toán tại công ty được chi tiết theo đúng quy định (đến tài khoản cấp 2) hiện hành. Em xin nêu tài khoản chi tiết của một số tài khoản thường được sử dụng trong hạch toán TSCĐ tại công ty như sau:

- Tài khoản 211 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2 sau:

- + TK 2111: Nhà cửa vật kiến trúc
- + TK 2112: Máy móc, thiết bị
- + TK 2113: Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- + TK 2114: Thiết bị, dụng cụ quản lý
- + TK 2118: TSCĐ hữu hình khác

- Tài khoản 214 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2 sau:

- + 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình (Trong đó: 21411, 21412, 21413, 21414 lần lượt cho nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý)
- + 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính
- + 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình

+ 2147: Hao mòn bất động sản đầu tư

- Tài khoản 241 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2 sau:

+ TK 2411: Mua sắm TSCĐ

+ TK 2412: Xây dựng cơ bản

+ TK 2413: Sửa chữa lớn TSCĐ

- Ngoài ra phụ thuộc vào mức độ chi tiết trong hạch toán, quản lý tài khoản kế toán có thể chi tiết đến 5 con số. VD như tài khoản 331 được chi tiết thành:

+ TK 33111: Phải trả người bán ngắn hạn VNĐ

+ TK 33112: Phải trả người bán ngắn hạn ngoại tệ

+ TK 33121: Phải trả người bán dài hạn VNĐ

+ TK 33122: Phải trả người bán dài hạn ngoại tệ

2.2.4 Chứng từ sử dụng

Hạch toán TSCĐ là một nội dung cơ bản của kế toán, công ty luôn quán triệt các nguyên tắc kế toán trong hạch toán. Việc quản lý và hạch toán luôn dựa trên hệ thống chứng từ gốc bao gồm:

- Hợp đồng mua bán

- Hóa đơn GTGT

- Giấy báo Nợ của ngân hàng

- Biên bản giao nhận TSCĐ

- Quyết định sử dụng quỹ đầu tư phát triển để hình thành TSCĐ

- Bảng tính khấu hao TSCĐ

- Phiếu thu, phiếu chi

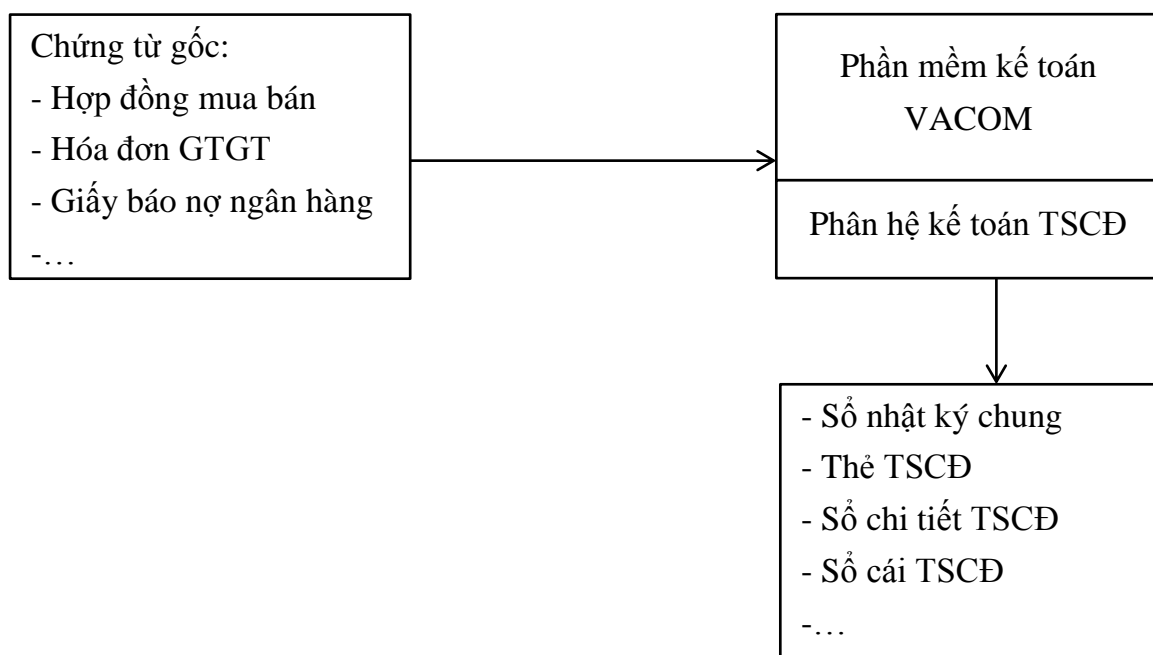
2.2.5 Kế toán nghiệp vụ tăng TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit

TSCĐ của công ty chủ yếu được tăng từ mua mới. Với đặc thù là công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản nên các máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải của công ty đều được quản lý chặt chẽ và hình thành từ quỹ đầu tư phát triển của công ty một cách có kế hoạch. Khi đó nguyên giá TSCĐ được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Nguyên} & & & & & & \\ \text{giá} & = & \text{Giá mua} & + & \text{Thuế NK,} & - & \text{Các khoản} \\ & & \text{trên hóa} & & \text{thuế} & & \text{giảm giá, trả} \\ & & \text{đơn} & & \text{TTĐB} & & \text{lại, chiết khấu} \\ & & & & & & \text{thương mại} \\ & & & & & + & \text{Chi phí} \\ & & & & & & \text{trước khi} \\ & & & & & & \text{sử dụng} \end{array}$$

Quy trình hạch toán tăng TSCĐ của công ty như sau:

Sơ đồ 2.4 Quy trình hạch toán tăng TSCĐ



(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Phương pháp hạch toán:

Xuất phát từ nhu cầu của các bộ phận trong công ty, căn cứ vào kế hoạch đầu tư, triển khai áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật đòi hỏi đổi mới công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh. Công ty đã lên kế hoạch mua sắm TSCĐ cho mỗi năm. Khi kế hoạch được duyệt, công ty ký hợp đồng mua sắm TSCĐ với người cung cấp sau đó căn cứ vào hợp đồng (kèm theo giấy báo của bên bán) công ty làm thủ tục cho người đi mua. Trong quá trình mua bán, giá mua và mọi chi phí phát sinh đều được theo dõi, khi hợp đồng mua bán hoàn thành, hai bên sẽ thanh lý hợp đồng và quyết toán, đồng thời làm thủ tục kế toán tăng TSCĐ kế toán căn cứ vào các chứng từ có liên quan để hạch toán tăng TSCĐ.

Ngày 14/12/2012, công ty mua một máy xúc KOMATSU làm phương tiện khai thác. Giá mua ghi trên hóa đơn chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 612.000.000 VNĐ, giá mua chưa bao gồm thuế GTGT là 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Bộ chứng từ liên quan đến trường hợp TSCĐ tăng này bao gồm:

- Hóa đơn GTGT do người bán cung cấp
- Giấy báo nợ của Ngân hàng xác nhận đã thanh toán cho người bán
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Quyết định về việc sử dụng quỹ đầu tư phát triển để hình thành TSCĐ

Từ hóa đơn GTGT và giấy báo nợ của Ngân hàng xác nhận đã thanh toán cho người bán kế toán nhập dữ liệu trực tiếp vào phần mềm kế toán. Sổ trọng tâm của phần mềm này là sổ Nhật ký chung (Bảng 2.22) từ đây dữ liệu sẽ liên kết đến sổ chi tiết các tài khoản liên quan và sổ cái tài khoản. Sau đó kế toán in Thẻ TSCĐ (Bảng 2.6) để lưu vào hồ sơ TSCĐ.

Bảng 2.2 Hóa đơn GTGT

Ngày 14 tháng 12 năm 2012					
HÓA ĐƠN GTGT			Ký hiệu: 01HM/12P		
Liên2: Giao khách hàng			Số : 0052162		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoa Mai					
Mã số thuế: 0200138319					
Địa chỉ: Km34+500 Quốc Lộ 10, Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP Hải Phòng					
Điện thoại: 031-3215835					
Họ tên người mua hàng: Trần Đình Tùng					
Tên đơn vị: Công ty CP Đá Spilit					
Mã số thuế: 2801330959					
Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa					
Số tài khoản: 1820101021631					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy xúc KOMATSU	Chiếc	01	612.000.000	612.000.000
Cộng tiền hàng:					612.000.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					61.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					673.200.000
Số tiền viết bằng chữ: sáu trăm bảy ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn/.					
Người mua hàng			Người bán hàng		

Bảng 2.3 Giấy báo Nợ của ngân hàng

Ngân Hàng Á Châu	Mã GDV: Tran Thu Hang
Chi Nhánh: ACB- CN Thanh Hóa	Mã KH: 44240
	Số GD: 12086

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 14/12/2012

Kính Gửi: CTY CP ĐÁ SPILIT

Mã số thuế: 2801330959

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 1820101021631

Số tiền bằng số: 673.200.000,00

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm bảy ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Thanh toán tiền mua máy xúc cho công ty TNHH Hoa Mai

Chúng tôi đã gửi đến tài khoản: 2110211000075 NH VietinBank số tiền 673.200.000,00 VNĐ (sáu trăm bảy ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn) vào hồi 15 giờ ngày 14/12/2012.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Bảng 2.4 Biên bản giao nhận TSCĐ

Đơn vị: Công Ty CP Đá Spilit

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 14 tháng 12 năm 2012

Số: 52

Nợ: 211, 133

Có: 112

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005 /QH11 ban hành ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (có hiệu luật ngày 01/01/2006).

Ban giao nhận tài sản cố định gồm:

Đại diện bên giao

- Ông/Bà: Nguyễn Hoàng Đạt Chức vụ: Nhân viên Công ty: TNHH Hoa Mai

Đại diện bên nhận

- Ông/Bà: Trần Đình Hưởng Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật- Vật tư

Công ty: CP Đá Spilit

Địa điểm giao nhận tài sản cố định: Tại văn phòng công ty CP Đá Spilit

Xác nhận việc giao nhận tài sản cố định như sau:

TT	Tên, ký hiệu, quy cách	Số hiệu TSCĐ	Nước sản xuất (XD)	Tính nguyên giá tài sản cố định				
				Giá mua	Chi phí vận chuyển	CP chạy thử	...	Nguyên giá TSCĐ
A	B	C	D	4	5	6	7	8
1	Máy xúc KOMATSU	PC120	Nhật Bản					612.000.000
	Cộng							

DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO

TT	Tên, quy cách dụng cụ,..	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
A	B	C	D	E

Đại diện bên nhận

Đại diện bên giao

Bảng 2.5 Quyết định sử dụng quỹ đầu tư phát triển để hình thành TSCĐ

Đơn vị: Công ty CP Đá Spilit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày 14 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Số: 30/QĐ-CTCP

"Về việc: sử dụng quỹ đầu tư phát triển để hình thành TSCĐ"

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng của đội khai thác, Giám đốc công ty CP Đá Spilit quyết định cho phép sử dụng quỹ đầu tư phát triển để mua sắm TSCĐ mới.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao cho phòng Kỹ thuật- Vật tư mua sắm máy xúc KOMATSU với nguyên giá 612.000.000 VNĐ, nguồn tài trợ từ quỹ đầu tư phát triển.

Điều 2: Ông (bà) trưởng phòng Kỹ thuật- Vật tư, phòng Tài chính kế toán căn cứ theo quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2012

Nơi nhận:

Giám đốc Công ty CP Đá Spilit

- Điều 2

(đã ký) 

- Lưu

Bảng 2.6 Thẻ TSCĐ**Đơn vị:** Công Ty CP Đá Spilit

Mẫu số S23-DN

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số: 44

Ngày 14 tháng 12 năm 2012

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 52 ngày 14 tháng 12 năm 2012

Tên, mã ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy xúc KOMATSU.

Số hiệu TSCĐ: PC120

Nước sản xuất (xây dựng) Nhật Bản. Năm sản xuất 2010

Bộ phận quản lý, sử dụng Phòng Kỹ Thuật- Vật Tư. Năm đưa vào sử dụng 2012

Công suất (diện tích thiết kế).....

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngàytháng.....năm.....

Lý do đình chỉ.....

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
BBGN52	14/12/2012	Mua máy xúc	612.000.000			

Dụng cụ phụ tùng kèm theo

Số TT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ chứng từ

số:.....ngày...tháng...năm.....

Lý do giảm.....

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán nghiệp vụ giảm TSCĐ tại Công ty CP Đá Spilit

Trong quá trình sử dụng TSCĐ sẽ dẫn đến một số TSCĐ bị cũ, hao mòn, lạc hậu không phù hợp với sản xuất của công ty sẽ bị loại bỏ.

Công ty cổ phần Đá Spilit do mới được thành lập nên TSCĐ còn mới và thời gian sử dụng còn dài. Bởi vậy đến tháng 12 năm 2012 là lần đầu tiên tại công ty xuất hiện nghiệp vụ giảm TSCĐ do nhượng bán.

Để tiến hành nhượng bán TSCĐ, công ty có các thủ tục sau:

- Cấp dưới trình lên cấp trên về tình trạng kỹ thuật của TSCĐ và đề nghị thanh lý, nhượng bán.
- Giám đốc Công ty thành lập Hội đồng thanh lý tài sản bao gồm: Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý kỹ thuật xuống xác định tình trạng máy móc và thống nhất đưa ra quyết định có thanh lý, nhượng bán hay không.
- Nếu TSCĐ được duyệt thanh lý, nhượng bán thì sẽ lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán, và lập Biên bản, hồ sơ thanh lý, nhượng bán.

Hồ sơ nhượng bán TSCĐ tại công ty bao gồm:

- + Tờ trình nhượng bán TSCĐ
- + Biên bản nhượng bán TSCĐ
- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng.

Vào ngày 11/12/2012, công ty quyết định nhượng bán 01 Máy cắt đá. Tổng giá trị bao gồm cả thuế GTGT, thu bằng tiền mặt là 313.500.000 VNĐ, thuế suất thuế GTGT phải nộp 10%. Cụ thể như sau:

- Máy cắt đá được đưa vào sử dụng từ 01/04/2010, nguyên giá: 472.500.000 VNĐ. Thời gian khấu hao là 7 năm, khấu hao tính đến thời điểm nhượng bán là 180.000.000 VNĐ. Giá trị nhượng bán thu bằng tiền mặt, bao gồm cả thuế GTGT là 313.500.000 VNĐ.

Để phản ánh nghiệp vụ kế toán trên, căn cứ vào tờ trình, biên bản nhượng bán TSCĐ, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán để phần mềm lọc và đưa dữ liệu vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 211, sổ cái TK 214.

Bảng 2.7 Thẻ TSCĐ Máy cắt đá**Đơn vị:** Công ty CP Đá Spilit**Mẫu số** S23-DN**Địa chỉ:** Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số: 06

Tháng 12 năm 2012

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 08 ngày 01 tháng 04 năm 2010

Tên, mã ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy cắt đá

Số hiệu TSCĐ MT412

Nước sản xuất (xây dựng): Trung Quốc

Năm sản xuất: 2009

Bộ phận quản lý, sử dụng: Đội khai thác

Năm đưa vào sử dụng 2010

Công suất (diện tích thiết kế).....

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày 11 tháng 12 năm 2012

Lý do đình chỉ: Nhượng bán

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày, tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
1	01/04/2010	Máy cắt đá	472.500.000	2010	50.625.000	50.625.000
				2011	67.500.000	118.125.000
				2012	61.875.000	180.000.000

Dụng cụ phụ tùng kèm theo

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.8 Tờ trình nhượng bán TSCĐ**Đơn vị:** Công ty CP Đá Spilit**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Địa chỉ:** Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ngày 6 tháng 12 năm 2012

TỜ TRÌNH**Kính gửi: GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ SPILIT**

Hiện nay, đội khai thác số 1 đề nghị Giám đốc cho nhượng bán 01 máy cắt đá ít được sử dụng.

Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Máy cắt đá MT412
Nguyên giá	472.500.000
Khấu hao	180.000.000
Giá trị nhượng bán (dự kiến)	313.500.000

Giá nhượng bán dự kiến thu được là: 313.500.000 (cả thuế GTGT)

(Bằng chữ: ba trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

Phòng kỹ thuật vật tư đề nghị Giám đốc duyệt nhượng bán.

GIÁM ĐỐC**PHÒNG TCKT****PHÒNG KỸ THUẬT VẬT TƯ**

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Bảng 2.9 Quyết định nhượng bán

Đơn vị: Công ty CP Đá Spilit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày 6 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Số: 35/QĐ-CTCP

"Về việc: Nhượng bán TSCĐ"

Căn cứ vào: Tờ trình đề nghị nhượng bán TSCĐ của đội khai thác số 1

Căn cứ vào: Biên bản kiểm tra TSCĐ của các nhân viên:

- | | |
|-----------------------|---------------------------------------|
| 1. Ông: Trần Đức Nhật | Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật vật tư |
| 2. Ông: Đinh La Thông | Chức vụ: Quản lý đội khai thác số 1 |

Và các nhân viên có liên quan khác, kiểm tra vào ngày 28 tháng 11 năm 2012.

Giám đốc Công ty CP Đá Spilit

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao cho phòng Tổ chức Hành chính hoàn thiện công tác kiểm tra và thủ tục xuất bán máy cắt đá MT412

Điều 2: Phòng Kế toán nhượng bán xóa sổ máy cắt đá nêu trên.

Điều 3: Các ông (bà) trưởng phòng Tổ chức hành chính, Kế toán trưởng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 6 tháng 12 năm 2012

Nơi nhận:

Giám đốc Công ty CP Đá Spilit

- Điều 3

(đã ký) 

- Lưu

Bảng 2.10 Biên bản nhượng bán TSCĐ

Đơn vị: Công ty CP Đá Spilit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày 11 tháng 12 năm 2012

BIÊN BẢN NHƯỢNG BÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 68/BBNB-CTCP

Căn cứ vào quyết định số 35/QĐ-CTCP ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Giám đốc Công ty CP Đá Spilit và tờ trình của Trưởng phòng Kỹ thuật- Vật tư ngày 6 tháng 12 năm 2012.

Giám đốc Công ty đã triệu tập cuộc họp, thành phần gồm:

- | | |
|----------------------------|---------------------------------------|
| 1. Ông: Trần Quế Lâm | Chức vụ: Giám đốc Công ty |
| 2. Bà: Lê Thị Dung | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| 3. Ông: Trần Đức Nhật | Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật vật tư |
| 4. Bà: Trần Thị Phương Lan | Chức vụ: Kế toán TSCĐ |

Căn cứ vào thực trạng kiểm kê năm 2012, căn cứ vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau khi xem xét, bàn bạc thống nhất quyết định nhượng bán: 01 máy cắt đá MT412

- Nguyên giá: 472.500.000 VNĐ
- Hao mòn lũy kế: 180.000.000 VNĐ
- Giá trị còn lại: 292.500.000 VNĐ

Kết luận của hội đồng: máy cắt đá này đã mòn đĩa cắt, máy móc xuống cấp, tồn nhiên liệu, ít được sử dụng trong việc khai thác. Mặt khác, công ty muốn đổi mới phương tiện khai thác để gia tăng hiệu quả sản xuất. Hội đồng quyết định nhượng bán máy cắt đá kể trên.

Kết quả:

- Chi phí nhượng bán TSCĐ: 0 đồng (viết bằng chữ): không
- Giá trị thu hồi: 313.500.000 (đã có thuế GTGT 10%)
(*Bằng chữ: ba trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*)
- Đã ghi giảm TSCĐ ngày 11/12/2012.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(đã ký)

Bảng 2.11 Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GTGT				Ký hiệu: 01HM/12P	
Liên3: Lưu nội bộ				Số : 0001162	
Ngày 11 tháng 12 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Đá Spilit					
Mã số thuế: 2801330959					
Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa					
Điện thoại: 037.3621880					
Họ tên người mua hàng: Trần Văn Phát					
Địa chỉ: Thanh Hóa					
Phương thức thanh toán: tiền mặt					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy cắt đá MT412	Chiếc	01	285.000.000	285.000.000
Cộng tiền hàng:					285.000.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					28.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					313.500.000
Số tiền viết bằng chữ: ba trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn/.					
Người mua hàng			Người bán hàng		
(Ký, ghi rõ họ, tên)			(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

Bảng 2.12 Phiếu Thu

Đơn vị: Công ty CP Đá Spilit

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

PHIẾU THU

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

Số: 162

Nợ: TK 111

Có: TK 711, 3331

Họ và tên người nộp tiền: Trần Văn Phát

Địa chỉ: Thanh Hóa

Lý do nộp: Mua máy cắt đá MT412

Số tiền: 313.500.000

Viết bằng chữ: ba trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

2.2.6 Kế toán khấu hao TSCĐ

Trong quá trình sử dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị. Do vậy kế toán phải thực hiện trích khấu hao. Tại Công ty cổ phần Đá split khấu hao TSCĐ là quá trình chuyển dần giá trị của TSCĐ một cách có kế hoạch vào chi phí sản xuất kinh doanh. Khấu hao TSCĐ là biện pháp kinh tế nhằm bù đắp hay khôi phục lại từng phần hoặc toàn bộ giá trị TSCĐ.

Tại công ty CP Đá Split không phản ánh chi phí khấu hao cho bộ phận bán hàng bởi vì các sản phẩm đều được bán trực tiếp tại địa điểm khai thác nên không phát sinh chi phí khấu hao TSCĐ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ mà Công ty áp dụng là phương pháp khấu hao đều, việc trích khấu hao theo nguyên tắc tròn tháng, tức là nếu TSCĐ tăng từ ngày 1 đến 15 hàng tháng thì sẽ tính khấu hao cả tháng đó, nếu TSCĐ tăng từ ngày 16 tới cuối tháng thì sẽ tính khấu hao từ tháng kế tiếp. Nếu TSCĐ giảm từ ngày 1 đến 15 hàng tháng thì không tính khấu hao tháng đó, nếu TSCĐ giảm từ ngày 16 tới cuối tháng thì sẽ tính khấu hao cả tháng đó.

$$\text{Mức trích KH trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Số năm khấu hao}}$$

$$\text{Mức trích KH trung bình tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức khấu hao trung bình năm}}{12}$$

Tính chi phí khấu hao cho TSCĐ mới đưa vào sử dụng từ ngày 14/12/2012 là máy xúc KOMATSU. Nguyên giá: 612.000.000 VNĐ, thời gian sử dụng 8 năm.

$$\text{Mức khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{612.000.000}{8}$$

$$= 76.500.000$$

$$\text{Mức khấu hao trung bình tháng của TSCĐ} = \frac{76.500.000}{12}$$

$$= 6.375.000$$

TSCĐ này sử dụng từ ngày 14/12 nhưng công ty vẫn tính khấu hao từ ngày 1/12. Điều này sẽ làm tăng thời gian khấu hao của TSCĐ đó. Chính vì vậy, hầu hết các TSCĐ của công ty đều được ghi ngày bắt đầu sử dụng là 1/1, 1/2...

Tính chi phí khấu hao cho máy cắt đá đã được nhượng bán vào ngày 11/12/2012, có nguyên giá là 472.500.000 VNĐ, thời gian sử dụng 7 năm khấu hao lũy kế tính đến thời điểm nhượng bán là 180.000.000 VNĐ, giá trị nhượng bán bao gồm cả thuế GTGT 10% là 313.500.000 VNĐ.

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao trung bình năm của TSCĐ} &= \frac{472.500.000}{7} \\ &= 67.500.000 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao trung bình tháng của TSCĐ} &= \frac{67.500.000}{12} \\ &= 5.625.000 \end{aligned}$$

TSCĐ này giảm trước ngày 15 của tháng nên kế toán không tính khấu hao tháng 12. Đối với những TSCĐ giảm thì sẽ phải khai báo giảm và thôi trích khấu hao trong phần mềm kế toán tại phân hệ kế toán TSCĐ

Bảng 2.13 Bảng tính và phân bổ khấu hao**Đơn vị : Công ty CP Đá Spilit****BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH***Tháng 12 Năm 2012**(Đơn vị: đồng)*

Tên tài sản	Số thẻ	Ngày tăng	Ngày KH	Nguyên giá đầu kỳ	Đã khấu hao	Còn lại	Số tháng khấu hao	KH trong kỳ		Nguyên giá cuối kỳ
								6274	6424	
Máy xúc PC200	03	2/7/2009	1/7/2009	604.000.000	302.000.000	302.000.000	84	7.190.476		604.000.000
Máy cắt đá	06	10/4/2010	1/4/2010	472.500.000	180.000.000	292.500.000	84	0		0
...										
Máy xúc KOMATSU	44	14/12/2012	1/12/2012	612.000.000	6.375.000	605.625.000	96	6.375.000		612.000.000
Máy móc thiết bị				6.052.149.091	775.829.760	4.803.819.331		88.569.598		5.579.649.091
Nhà văn phòng	04	1/7/2009	1/7/2009	40.000.000	14.000.000	26.000.000	120		333.333	40.000.000
Khung nhà thép	15	26/11/2010	1/12/2010	68.640.000	23.833.333	44.806.667	72	953.333		68.640.000

...										
Nhà cửa vật kiến trúc				7.947.188.000	499.320.261	7.447.867.739		1.639.733	89.573.808	7.947.188.000
Xe IFA	07	8/4/2010	1/4/2010	270.000.000	123.750.000	146.250.000	72	3.750.000		270.000.000
...										
Phương tiện vận tải				698.342.000	184.838.085	513.503.915		8.059.461		698.342.000
Trang thiết bị văn phòng	17	8/2/2012	1/2/2012	20.500.000	6.263.889	14.236.111	36		569.444	20.500.000
...										
Thiết bị quản lý				251.717.273	16.875.000	234.842.273			5.946.073	251.717.273
Tổng cộng				14.949.396.364	1.476.863.106	13.000.033.258		98.268.792	95.519.881	14.476.896.364

Người lập bảng:

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng:

(Ký, họ tên)

Tháng 12/2012, khấu hao cơ bản phải trích toàn Công ty là 193.788.673 VNĐ, trong đó mức khấu hao phương tiện vận tải là 8.059.461 VNĐ, mức khấu hao mức khấu hao nhà cửa là 91.213.541 VNĐ, máy móc thiết bị là 88.569.598 VNĐ và dụng cụ quản lý là 5.946.073 VNĐ.

Trong đó:

- Khấu hao TSCĐ chi tiết cho bộ phận sản xuất là 98.268.792 VNĐ
- Khấu hao TSCĐ chi tiết cho bộ phận quản lý doanh nghiệp là 95.519.881 VNĐ.

2.2.7 Kế toán sửa chữa TSCĐ hữu hình

TSCĐ là những tư liệu lao động phục vụ lâu dài cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó để duy trì tính năng kỹ thuật và khả năng hoạt động liên tục của tài sản. Công ty luôn quan tâm đến việc bảo dưỡng sửa chữa TSCĐ. Bản thân mỗi TSCĐ đều lập định mức sửa chữa thường xuyên (Bảo dưỡng) và sửa chữa lớn (Đại tu).

2.2.7.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ hữu hình

Sửa chữa thường xuyên xảy ra với những TSCĐ có giá trị nhỏ như bảo dưỡng, thay thế một số phụ tùng đối với một số phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng,... thường có chi phí phát sinh ít. Do đó, toàn bộ chi phí sửa chữa thường xuyên công ty tập hợp trực tiếp vào chi phí của bộ phận có TSCĐ sửa chữa.

Ngày 05 tháng 12 năm 2012, công ty tiến hành sửa chữa máy Photocopy cho bộ phận văn phòng. Tổng chi phí sửa chữa là 250.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%, đã trả bằng tiền mặt. Kế toán tiến hành nhập hóa đơn GTGT và phiếu chi vào phần mềm kế toán.

Bảng 2.14 Hóa Đơn GTGT sửa máy photocopy

HÓA ĐƠN GTGT				Ký hiệu: 01HTC/12P	
Liên2: Giao khách hàng				Số : 0010290	
Ngày 05 tháng 12 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH điện tử tin học HTC					
Địa chỉ: 233, Kim Tân, Hà Trung, Thanh Hóa					
Điện thoại: 037.3562380					
MST: 2801696161					
Họ tên người mua hàng: Trần Đình Tùng					
Tên đơn vị: Công ty CP Đá Spilit					
Mã số thuế: 2801330959					
Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa					
Số tài khoản: 1820101021631					
Phương thức thanh toán: tiền mặt					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Sửa máy photocopy	Chiếc	01	250.000	250.000
Cộng tiền hàng:					250.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT: 25.000					
Tổng cộng tiền thanh toán					275.000
Số tiền viết bằng chữ: hai trăm bảy lăm nghìn đồng chẵn/.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

Bảng 2.15 Phiếu Chi

Đơn vị: Công ty CP Đá Spilit

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Số:268

Nợ:TK 6427, 133

Có:TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: Bộ phận văn phòng

Lý do chi: Sửa máy photocopy

Số tiền: 275.000 (Viết bằng chữ): hai trăm bảy lăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

2.2.7.2 Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ hữu hình

Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ là loại hình sửa chữa mà nếu không thực hiện thì TSCĐ không hoạt động được. Như vậy, đây là hình thức sửa chữa với những TSCĐ đang dùng nhưng bị hỏng. Việc sửa chữa có thể tiến hành theo kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch.

Chi phí sửa chữa phát sinh thường là lớn nên theo quy định kế toán phải phân bổ vào chi phí kinh doanh.

Hiện tại, công tác sửa chữa lớn TSCĐ tại công ty chủ yếu là thuê ngoài và công ty không thực hiện việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Việc hạch toán quá trình sửa chữa lớn TSCĐ theo phương thức thuê ngoài được tiến hành như sau:

Kế toán tập hợp chứng từ chi phí sửa chữa thực tế phát sinh, và cập nhật dữ liệu vào phần mềm, tài khoản sử dụng là tài khoản 2413- Sửa chữa lớn TSCĐ.

Nợ TK 2413

Nợ TK 133

Có TK 111,112

Khi sửa chữa lớn hoàn thành kết chuyển chi phí sửa chữa thực tế và chi phí trả trước để tiến hành phân bổ chi phí bộ phận sử dụng theo định kỳ.

Nợ TK 142, 242

Có TK 2413

Hàng tháng, kế toán tiến hành phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh (do công ty không phản ánh khấu hao TSCĐ cho bộ phận bán hàng nên không phát sinh TK 641)

Nợ TK 627, 642

Có TK 142, 242

Ngày 8 tháng 12 năm 2012, công ty thuê công ty lắp máy Việt Nam sửa chữa 01 máy xúc PC200 và đã hoàn thành trong tháng. Tổng giá trị chi phí sửa chữa là 51.150.000 đồng trong đó thuế GTGT 10%.

Bộ chứng từ liên quan đến trường hợp sửa chữa lớn TSCĐ tại công ty bao gồm:

- Quyết định về việc sửa chữa TSCĐ
- Hợp đồng sửa chữa TSCĐ
- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành
- Hóa đơn GTGT do bên sửa cung cấp

- Biên bản nghiệm thu

Toàn bộ chi phí sửa chữa lớn TSCĐ là 46.500.000 (chưa bao gồm thuế GTGT 10%) được kế toán phân bổ dần vào chi phí sản xuất chung trong 24 tháng. Toàn bộ dữ liệu được cập nhật từ chứng từ sang phần mềm kế toán được thể hiện trên sổ Nhật ký chung (Bảng 2.21) và các sổ chi tiết, sổ cái liên quan.

Bảng 2.16 Quyết định sửa chữa TSCĐ

Đơn vị: Công ty CP Đá Spilit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân,
huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày 6 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Số: 67/QĐ-CTCP
"Về việc: Sửa chữa TSCĐ"

Căn cứ vào: Tờ trình đề nghị sửa chữa TSCĐ của ông Phạm Nhật Cường, chức vụ: nhân viên lái máy xúc và biên bản kiểm tra của phòng kỹ thuật vật tư vào ngày 2 tháng 12 năm 2012.

Giám đốc Công ty CP Đá Spilit

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao cho phòng kỹ thuật liên hệ và kiểm tra trong suốt quá trình sửa chữa máy xúc PC200

Điều 2: Đội trưởng đội khai thác và nhân viên lái máy có nhiệm vụ kiểm tra chặt chẽ quá trình sửa chữa trước khi tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 3: Các ông (bà) trưởng phòng kỹ thuật, đội trưởng đội khai thác, nhân viên lái máy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 6 tháng 12 năm 2012

Nơi nhận:

Giám đốc Công ty CP Đá Spilit

- Điều 3

(đã ký) 

- Lưu

Bảng 2.17 Hợp đồng sửa chữa TSCĐ

CÔNG TY CP ĐÁ SPILIT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Công trình: Sửa chữa máy xúc PC200

Hôm nay, ngày 08 tháng 12 năm 2012. Chúng tôi gồm có:

1. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ SPILIT

- Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
- Tài khoản: 1820101021631 tại Ngân hàng công thương - TH
- Người đại diện: ông Trần Quế Lâm - Chức vụ: Giám đốc

2. BÊN B: CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM

- Địa chỉ: Số 179- Trần phú – Thị xã Bỉm sơn – Tỉnh Thanh Hoá.
- Điện thoại: 037 3824.421
- Tài khoản: 5051000000036 Ngân hàng công thương – Thanh hoá
- Người đại diện: ông Nguyễn Văn Hùng - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi thoả thuận hai bên thống nhất ký hợp đồng kinh tế với nội dung như sau:

Điều 1: Giao cho Công ty lắp máy Việt Nam thi công việc sửa chữa, đại tu máy cho máy xúc PC200.

Điều 2: Trách nhiệm các bên

Bên A:

- Bàn giao máy xúc PC200 và tổ chức giám sát bên B trong quá trình sửa chữa.
- Sau khi sửa chữa xong, nhanh chóng cùng bên B tổ chức nghiệm thu đưa máy xúc

PC200 vào hoạt động.

- Thanh toán đúng thời hạn quy định trong hợp đồng.

Bên B:

- Chịu trách nhiệm toàn bộ công việc của mình nhận thi công. Đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc sửa chữa và an toàn về người lao động.
- Tổ chức thi công công việc theo đúng thời hạn thoả thuận.
- Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định
- Có trách nhiệm bảo hành máy xúc PC200 trong thời gian 06 tháng.

Điều 3: Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 08/12/2012 đến ngày 29/12/2012

Điều 4: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

- Tổng giá trị hợp đồng là: 51.150.000 đồng (gồm cả thuế giá trị gia tăng 10%)
(Bằng chữ: Năm một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản hoặc tiền mặt

Điều 5: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng và trong quá trình tiến hành việc sửa chữa.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng có gì vướng mắc hai bên sẽ cùng nhau thống nhất giải quyết. Trong trường hợp hai bên không giải quyết được thì trình toà án kinh tế giải quyết theo đúng pháp luật.
- Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(đã ký)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(đã ký)

Bảng 2.18 Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành

CÔNG TY CP ĐÁ SPILIT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ SỬA CHỮA LỚN HOÀN THÀNH **Số: 85/BBGN-CTCP**

Căn cứ quyết định số 42/QĐ-SCTSCĐ ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Giám đốc Công ty CP Đá Spilit về việc đưa TSCĐ ra sửa chữa lớn.

Chúng tôi gồm:

- 1- Nguyễn Thanh Minh - Chức vụ: phó phòng kỹ thuật vật tư - Đại diện bên có TSCĐ
- 2- Phạm Nhật Cường - Chức vụ: lái máy xúc PC200 - Đại diện bên có TSCĐ
- 3- Nguyễn Hồng Minh - Chức vụ: Đội trưởng đội khai thác

Chúng tôi đã tiến hành kiểm nhận việc sửa chữa TSCĐ như sau:

- Tên TSCĐ, mã hiệu: Máy xúc PC200
- Số hiệu TSCĐ: 03/TSCĐ
- Bộ phận quản lý sử dụng TSCĐ: Đội khai thác.
- Bộ phận hạch toán: Phòng tài chính kế toán.
- Bộ phận phụ trách sửa chữa TSCĐ: Công ty lắp máy Việt Nam.

Đơn vị tính: VNĐ

Tên phương tiện sửa chữa	Nội dung công việc sửa chữa	Giá trị dự toán	Chi phí thực tế	Kết quả kiểm tra
Máy xúc PC200	Sửa chữa, đại tu máy	51.150.000	51.150.000	Đảm bảo chất lượng

Kết luận: Thiết bị đã được sửa chữa đảm bảo chất lượng, có thể đưa vào sử dụng và kéo dài thêm 2 năm so với ban đầu.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(đã ký)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(đã ký)

Bảng 2.19 Hóa đơn GTGT sửa chữa lớn máy xúc

HÓA ĐƠN GTGT				Ký hiệu: 01LM/12P	
Liên2: Giao khách hàng				Số : 0089290	
Ngày 29 tháng 12 năm 2012					
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty Lắp Máy Việt Nam</p> <p>Địa chỉ: Số 179- Trần phú – Thị xã Bỉm sơn – Tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>Điện thoại: 037 3824.421</p> <p>MST: 2800233448</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thanh Minh</p> <p>Tên đơn vị: Công ty CP Đá Spilit</p> <p>Mã số thuế: 2801330959</p> <p>Địa chỉ: Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>Số tài khoản: 1820101021631</p> <p>Phương thức thanh toán: trả sau</p>					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Sửa chữa máy xúc PC200	Chiếc	01	46.500.000	46.500.000
Cộng tiền hàng:					46.500.000
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:					4.650.000
Tổng cộng tiền thanh toán					51.150.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn /.					
Người mua hàng			Người bán hàng		
(Ký, ghi rõ họ, tên)			(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

Bảng 2.20 Biên bản nghiệm thu
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày 29 tháng 12 năm 2012

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA MÁY XÚC PC200

Thành phần bao gồm:

Bên A: Công ty CP Đá Spilit

Ông: Trần Đức Nhật - Chức vụ: Trưởng phòng kĩ thuật vật tư

Bên B: Công ty lắp máy Việt Nam

Ông: Nguyễn Văn Trung - Chức vụ: Tổ trưởng tổ lắp máy

Đã cùng nhau kiểm tra, nghiệm thu công việc sửa chữa: Đại tu máy của máy xúc PC200.

Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả: Máy xúc PC200 đã được sửa chữa đạt đúng theo các tiêu chuẩn kĩ thuật như trong hợp đồng sửa chữa đã ký kết và đã có thể đưa vào hoạt động.

Kết luận: Hai bên nhất trí bàn giao và nghiệm thu máy xúc PC200.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(đã ký)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(đã ký)

Kế toán kiểm kê TSCĐ hữu hình

Vào cuối năm, công ty tiến hành kiểm kê TSCĐ trong toàn bộ công ty. Vào thời điểm này, công ty lập hội đồng kiểm kê để tiến hành kiểm kê từng loại TSCĐ tại từng bộ phận sử dụng. Đối chiếu giá trị TSCĐ theo kiểm kê với giá trị TSCĐ theo sổ sách để phát hiện thừa hay thiếu, để lập phiếu kiểm kê cho từng TSCĐ.

Trong năm 2012, công ty đã tiến hành kiểm kê TSCĐ. Kết quả là số liệu TSCĐ thực tế trùng với số liệu ghi trên sổ.

Bảng 2.21 Sổ nhật ký chung**CÔNG TY CP ĐÁ SPILIT****SỔ NHẬT KÝ CHUNG****(Trích: Tháng 12 năm 2012)***(Đơn vị tính: VNĐ)*

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
05/12	0010290	05/12	Sửa chữa máy photocopy	6427	250.000	
				133	25.000	
				33111		275.000
05/12	PC 268	05/12	Trả tiền sửa chữa	33111	275.000	
				1111		275.000
					
11/12	BBNB68	11/12	Nhượng bán máy cắt đá	21412	180.000.000	
				811	292.500.000	
				2112		472.500.000
11/12	0001162	11/12	Thu nhập từ nhượng bán	1111	313.500.000	
				711		285.000.000
				33311		28.500.000
					
14/12	0052162	14/12	Mua máy xúc KOMATSU	2111	612.000.000	
				1332	61.200.000	
				33111		673.200.000
14/12	GBN12086	14/12	Thanh toán tiền mua xe	33111	673.200.000	
				1121		673.200.000
14/12	QĐ30	14/12	Kết chuyển nguồn hình thành	414	612.000.000	
				4111		612.000.000
					
29/12	0089290	29/12	Sửa chữa, đại tu máy xúc	2413	46.500.000	
				1331	4.650.000	
				331		51.150.000
29/12	NVK001	29/12	Kết chuyển chi phí chờ phân bổ	242	46.500.000	
				2413		46.500.000
29/12	NVK002	29/12	Phân bổ chi phí sửa chữa	6277	1.937.500	

			hàng tháng	242		1.937.500
					
31/12	BTKH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	6274	98.268.792	
				6424	95.519.881	
				21411		91.213.541
				21412		88.596.598
				21413		8.059.461
				21414		5.946.073

Bảng 2.22 Sổ chi tiết TSCĐ**CÔNG TY CP ĐÁ SPILIT****SỔ CHI TIẾT****Tài khoản 2112-TSCĐ (máy móc thiết bị)**

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

(Đơn vị tính: VNĐ)

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		* Số dư đầu kỳ				5.440.149.091	
		* Số phát sinh trong kỳ					
BBNB68	11/12	Nhượng bán máy cắt đá	21412		180.000.000		
		Xóa sổ TSCĐ	811		292.500.000		
0052162	14/12	Mua máy xúc KOMATSU	33111	612.000.000			
		* Tổng phát sinh		612.000.000	472.500.000		
		*Số dư cuối kỳ				5.579.649.091	

Bảng 2.23 Sổ cái TK 211

CÔNG TY CP ĐÁ SPILIT

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 211 - TSCĐ

Tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VNĐ

Số dư đầu kỳ: 14.337.396.364

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
11/12	BBNB68	11/12	Nhượng bán máy cắt đá	21412		180.000.000
				811		292.500.000
14/12	0052162	14/12	Mua máy xúc KOMATSU	33111	612.000.000	

Tổng phát sinh nợ: 612.000.000

Tổng phát sinh có: 472.500.000

Số dư nợ cuối kỳ: 14.476.896.364

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.24 Sổ cái tài khoản 214**CÔNG TY CP ĐÁ SPILIT****SỔ CÁI TÀI KHOẢN****Tài khoản: 214 - Hao mòn TSCĐ***Tháng 12 năm 2012**Đơn vị: VNĐ*

Số dư đầu kỳ: 1.463.074.433

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
11/12	BBNB68	11/12	Nhượng bán máy cắt đá	2112	180.000.000	
31/12	BTKH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	6274		98.268.792
				6424		95.519.881

Tổng phát sinh nợ: 180.000.000

Tổng phát sinh có: 193.788.673

Số dư nợ cuối kỳ: 1.476.863.106

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY CP ĐÁ SPILIT

3.1 Đánh giá chung về công ty CP Đá Spilit

3.1.1 Điểm mạnh

Công ty CP Đá Spilit là một công ty còn non trẻ trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, công ty mới chỉ thành lập từ ngày 13 tháng 4 năm 2009. Tuy còn non trẻ nhưng công ty CP Đá Spilit đã có những bước phát triển khá vững chắc, doanh thu năm sau luôn cao hơn doanh thu năm trước. Công ty luôn chú trọng vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý điều hành, đồng thời không ngừng nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng, mẫu mã khi đến tay người tiêu dùng.

Ngoài ra công ty còn có đội ngũ lao động trẻ, nhiệt tình, năng động và luôn được khuyến khích học tập nâng cao trình độ để có thể đáp ứng được yêu cầu công việc của công ty. Ban lãnh đạo của công ty cũng rất quan tâm đến đời sống cán bộ nhân viên trong công ty, từ đó công ty có được đội ngũ nhân lực đoàn kết trên dưới một lòng tạo thành một sức mạnh tập thể đưa công ty ngày càng phát triển hơn nữa. Công ty cũng không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng các trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho quá trình khai thác, sản xuất.

Trụ sở chính của công ty nằm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, là nơi của ngõ nối liền Bắc Bộ với Trung Bộ, có hệ thống giao thông thuận lợi như: đường sắt xuyên việt, đường Hồ Chí Minh, các quốc lộ 1A, 10,...,cảng biển nước sâu Nghi Sơn. Về tài nguyên khoáng sản, Thanh Hóa là một trong số ít các tỉnh ở Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng, có 296 mỏ và điểm khoáng sản với 42 loại khác nhau, nhiều loại có trữ lượng lớn so với cả nước. Bởi vậy, đây là một tỉnh có tiềm năng rất lớn cho các công ty khai thác và chế biến khoáng sản phát triển.

3.1.2 Điểm yếu

Do là một công ty còn non trẻ nên quy mô công ty còn nhỏ, nguồn vốn còn hạn hẹp, không có đủ điều kiện để nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do công ty mới thành lập nên đội ngũ nhân viên tương đối trẻ trung, đây vừa là điểm mạnh của công ty nhưng cũng đồng thời là điểm yếu bởi đội ngũ nhân viên trẻ thường thiếu kinh nghiệm trong xử lý công việc, khả năng ổn định nghề nghiệp thấp.

Trong quá trình khai thác công ty vẫn chủ yếu sử dụng lao động thủ công để khai thác, ít ứng dụng máy móc công nghệ cao vào khai thác nên năng suất còn chưa cao, mức độ an toàn lao động còn thấp. Đồng thời, trình độ tay nghề của công nhân

xưởng, đội chưa đồng đều, cần phải đào tạo có bài bản mới đáp ứng được yêu cầu công việc.

3.1.3 Cơ hội

Trong điều kiện hiện nay, khi nền kinh tế đang dần phục hồi sau giai đoạn khủng hoảng và quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới đang diễn ra nhanh chóng đã tạo ra một môi trường đầu tư rất thông thoáng cho các doanh nghiệp về chính sách hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại hóa trang thiết bị tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có cơ hội lớn phát triển.

3.1.4 Thách thức

Hiện nay thị trường bất động sản trên cả nước đang đóng băng khiến cho việc tiêu thụ vật liệu xây dựng giảm mạnh. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực này đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thậm chí có nguy cơ dẫn tới phá sản. Công ty CP Đá Spilit cũng không nằm ngoài khó khăn này bởi lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng là một trong những lĩnh vực thế mạnh của công ty. Trong tình hình này buộc công ty phải tìm ra thị trường tiêu thụ mới như xuất khẩu hay phải chuyển hướng tập trung sang lĩnh vực khác.

Do tỉnh Thanh Hóa có địa thế và điều kiện thuận lợi cho ngành khai thác và chế biến khoáng sản nên có rất nhiều doanh nghiệp cùng ngành tập trung tại đây. Điều này khiến cho công ty có nhiều đối thủ cạnh tranh, buộc công ty phải có những cải tiến về sản phẩm, hay lợi thế về chi phí thì mới có thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp cùng ngành, đây là một sức ép rất lớn đối với công ty.

3.2 Đánh giá khái quát về thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại công ty CP Đá Spilit

Công ty Cổ phần Đá Spilit mặc dù chỉ là một doanh nghiệp có quy mô vừa trong rất nhiều doanh nghiệp khai thác khoáng sản ở Thanh Hóa, nhưng nhờ sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo cùng với các nhân viên mà công ty đã đạt được những thành tựu nhất định. Công ty vẫn đứng vững và phát triển một cách chắc chắn, kể cả trong thời kì khủng hoảng. Một phần không nhỏ cho sự phát triển đó đến từ sự đóng góp của phòng kế toán, trong đó có kế toán TSCĐ.

3.2.1 Những ưu điểm

3.2.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức công tác kế toán ở công ty là phù hợp với quy mô và đặc điểm của hình thức sản xuất. Bộ máy kế toán rất gọn nhẹ với việc phân công lao động cụ thể, trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng cán bộ kế toán. Mọi phần hành của công tác kế toán

đều có người theo dõi, thực hiện đầy đủ đúng nội quy.

Công ty sử dụng hình thức ghi sổ theo phương thức nhật ký chung là phương thức phổ biến hiện nay, giúp công ty giám sát tình hình biến động TSCĐ kịp thời, chính xác, từ đó cung cấp các thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo và các phòng ban, phục vụ hiệu quả cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Công ty sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng giúp công việc ghi sổ, lưu trữ số liệu trở nên dễ dàng, nhanh chóng và chính xác hơn so với phương thức ghi sổ thủ công hay sử dụng phần mềm Excel.

3.2.1.2 Về phân loại TSCĐ

Công ty đã tiến hành phân loại TSCĐ theo đặc trưng kỹ thuật kết hợp với hình thái biểu hiện là hoàn toàn hợp lý, phản ánh đúng về tình hình TSCĐ ở công ty. Nhờ đó, việc phân loại sẽ giúp cho công ty có cái nhìn tổng thể về TSCĐ để từ đó có được phương hướng cân đối, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh. Thông qua cách phân loại này, công ty quản lý chặt chẽ được TSCĐ một cách cụ thể, chi tiết và sử dụng hiệu quả.

3.2.1.3 Về tổ chức công tác kế toán TSCĐ

Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tăng, giảm TSCĐ công ty đều phản ánh đúng đắn kịp thời và chính xác theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Hàng tháng, Công ty đều lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ chính xác cho từng tài sản, công ty áp dụng chế độ kế toán khấu hao được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, áp dụng khấu hao đường thẳng, tiến hành trích khấu hao theo tháng, tỷ lệ khấu hao tùy từng tài sản, phản ánh đúng số khấu hao phải tính và phân bổ vào đối tượng sử dụng TSCĐ.

Vào thời điểm cuối năm tài chính, kế toán của công ty tiến hành kiểm kê từng loại TSCĐ tại từng bộ phận sử dụng, đối chiếu giá trị TSCĐ hiện có theo kiểm kê với giá trị TSCĐ theo sổ sách để phát hiện thừa hay thiếu để lập phiếu kiểm kê cho từng tài sản. Qua đó, công ty có thể quản lý chặt chẽ tình hình biến động TSCĐ.

3.2.2 Một số hạn chế

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty CP Đá Spilit là khá chặt chẽ, thực hiện đúng chế độ kế toán hiện hành, áp dụng một cách linh hoạt, hợp lý. Nhưng bên cạnh đó công tác kế toán TSCĐ tại công ty còn tồn tại một số hạn chế sau:

3.2.2.1 Về kế toán trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Công ty chưa tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chính vì thế

trong năm 2012 Công ty có phát sinh nghiệp vụ sửa chữa lớn TSCĐ mà không có kế hoạch trích trước, mọi chi phí phát sinh được tập hợp vào TK 2413 sau đó kết chuyển sang TK 242 và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ sau đó.

3.2.2.2 Về nội dung điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ

Trường hợp sửa chữa lớn mà kéo dài tuổi thọ TSCĐ (Bảng 2.18 Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành) theo quy định kế toán cần điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ, khi đó chi phí khấu hao tháng 12 sẽ tăng lên.

3.2.2.3 Về công tác kế toán khấu hao TSCĐ

Hiện tại, việc tính chi phí khấu hao của Công ty được tính tròn tháng. Cụ thể là: với các TSCĐ được đưa vào sử dụng từ ngày 1 đến 15 hàng tháng đều được trích khấu hao đủ 1 tháng. Ví dụ: TSCĐ được đưa vào sử dụng từ 14/12 sẽ được trích khấu hao từ ngày 1/12, hay TSCĐ giảm ngày 11/12 thì không tính vào khấu hao trong tháng 12. Điều này chưa áp dụng đúng quy định của Bộ Tài Chính về việc trích khấu hao.

Phương pháp kế toán khấu hao TSCĐ hữu hình mà công ty đang áp dụng là khấu hao theo phương pháp đường thẳng đối với tất cả các loại TSCĐ. Việc tính khấu hao ở công ty đã được thực hiện theo đúng quy định, tuy nhiên chỉ áp dụng duy nhất một phương pháp cho tất cả các TSCĐ là chưa hợp lý. TSCĐ trong công ty có nhiều loại, thuộc nhiều nhóm khác nhau nên trong quá trình sử dụng tác động của hao mòn vô hình, hao mòn hữu hình và lợi ích kinh tế mà các tài sản này đem lại là khác nhau. Bởi vậy, tồn tại này làm chậm thời gian thu hồi vốn đầu tư đối với các máy móc thiết bị, cũng như các phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trên đây là những mặt còn tồn tại trong công tác hạch toán TSCĐ tại công ty CP Đá Spilit. Cần phải tìm ra những phương hướng giải quyết các tồn tại này để giúp công tác hạch toán TSCĐ tại công ty được hoàn thiện hơn, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ của công ty.

3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ ở công ty CP Đá Spilit

Qua thời gian thực tập ở công ty CP Đá Spilit với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Đá Spilit”. Tuy thời gian tìm hiểu nghiên cứu thực tế tại công ty bản thân em còn nhiều hạn chế về kiến thức lý luận, kinh nghiệm thực tế trong kế toán TSCĐ. Nhưng căn cứ vào những tồn tại hiện nay của công ty, căn cứ vào chế độ kế toán TSCĐ của nhà nước và bộ Tài chính. Em cũng mạnh dạn đưa ra đề xuất của mình nhằm góp phần hoàn thiện thêm công tác kế toán TSCĐ tại công ty.

3.3.1 Về kế toán trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Do khối lượng sửa chữa lớn TSCĐ hữu hình tại công ty là rất nhiều, chi phí phát sinh lớn. Theo em, để tránh cho giá thành trong kỳ có phát sinh nghiệp vụ sửa chữa lớn TSCĐ bị biến động đột ngột, công ty nên tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn

- Khi tiến hành trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ tính vào chi phí sản xuất kinh doanh theo dự toán. Kế toán ghi:

Nợ TK 627: Trích trước chi phí sửa chữa lớn ở bộ phận sản xuất

Nợ TK 641: Trích trước chi phí sửa chữa lớn ở bộ phận bán hàng

Nợ TK 642: Trích trước chi phí sửa chữa lớn ở bộ phận quản lý doanh nghiệp

Có TK 335

- Khi phát sinh công việc sửa chữa lớn TSCĐ, tập hợp chi phí sửa chữa TSCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 241(2413): Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 111, 112, 152, 334,...: Nếu DN tự thực hiện

Có TK 331: Nếu DN thuê ngoài

- Khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành, kế toán tính giá thành thực tế của công việc sửa chữa và tiến hành kết chuyển

+ Trường hợp sửa chữa lớn theo kế hoạch

Nợ TK 335: Giá thành dự toán

Nợ TK 627, 641, 642: Phần dự toán thiếu

Có TK 241(2413): Giá thực tế

Có TK 627, 641, 642: Phần dự toán thừa

+ Trường hợp sửa chữa lớn ngoài kế hoạch

Nợ TK 142, 242: Chi phí sửa chữa lớn phân bổ nhiều kỳ

Có TK 241(2413): Giá thực tế

- Khi phân bổ chi phí sửa chữa lớn ngoài kế hoạch

Nợ TK 627, 641, 642: Chi phí sửa chữa lớn phân bổ từng kỳ

Có TK 142, 242: Chi phí sửa chữa lớn phân bổ từng kỳ

3.3.2 Về nội dung điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ

Trường hợp công ty điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ sau khi sửa chữa lớn hoàn thành :

Nợ TK 211 : Nguyên giá tăng thêm

Có TK 2413 : Nguyên giá tăng thêm

Ngày 8 tháng 12 năm 2012 công ty thuê công ty lắp máy Việt Nam sửa chữa 1 máy xúc PC200, chi phí sửa chữa là 51.150.000 đồng đã bao gồm cả thuế GTGT 10%. TSCĐ hoàn thành và nhận bàn giao vào ngày 29 tháng 12 năm 2012.

Như vậy theo quy định hiện hành TSCĐ được điều chỉnh nguyên giá khi:

- Đánh giá lại TSCĐ theo quyết định của nhà nước
- Xây lắp, trang bị thêm cho TSCĐ
- Thay đổi bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng
- Cải tiến bộ phận của TSCĐ hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước
- Tháo dỡ một hoặc một số bộ phận của TSCĐ

Điều đó có nghĩa là số chi phí sửa chữa lớn này được cộng vào nguyên giá của TSCĐ để xác định nguyên giá mới.

$$\text{Nguyên giá mới} = 604.000.000 + 46.500.000 = 650.500.000$$

Khi đó mức trích khấu hao trên tháng của các kỳ tiếp theo sẽ thay đổi.

3.3.3 Về công tác kế toán khấu hao TSCĐ

Với việc áp dụng một phương pháp tính khấu hao cho tất cả các loại TSCĐ trong Công ty là chưa hợp lý, vì vậy Công ty có thể lựa chọn phương pháp cho phù hợp đối với từng loại tài sản.

Công ty có thể áp dụng các phương pháp khấu hao TSCĐ theo hướng sau:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- + Máy móc thiết bị, đặc biệt là các phương tiện vận tải tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh áp dụng phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh để có thể nhanh chóng thu hồi được vốn đầu tư để tái đầu tư các máy móc thiết

bị, phương tiện vận tải, hạn chế được bất lợi của hao mòn vô hình đồng thời cũng hạn chế được rủi ro khi có tổn thất xảy ra.

Như trường hợp TSCĐ là phương tiện khai thác là máy xúc KOMATSU được mua vào ngày 14/12/2012 có nguyên giá 612.000.000 VNĐ, được tính khấu hao trong 8 năm có thể áp dụng thêm 2 phương pháp:

- Phương pháp khấu hao theo sản lượng
- Phương pháp khấu hao số dư giảm dần có điều chỉnh

Đối với trường hợp áp dụng phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh:

- Tỷ lệ khấu hao đường thẳng $= 100\% / 8 = 12,5\%$
- Tỷ lệ khấu hao nhanh $= 12,5\% \times 2,5 = 31,25\%$

Như vậy mức tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh theo các năm sẽ được tính như sau:

(Đơn vị tính: VNĐ)

Năm	Nguyên giá	Tỷ lệ trích khấu hao	Mức khấu hao năm	Giá trị còn lại
1	612.000.000	31,25%	191.250.000	420.750.000
2	420.750.000	31,25%	131.484.375	289.265.625
3	289.265.625	31,25%	90.395.508	198.870.117
4	198.870.117	31,25%	62.146.912	136.723.206
5	136.723.206	31,25%	42.726.002	93.997.204
6	93.997.204	31,25%	29.374.126	64.623.078
7	64.623.078		32.311.539	32.311.539
8	32.311.539		32.311.539	0

Hiện tại việc tính và phân bổ khấu hao của công ty chưa áp dụng đúng quy định của bộ Tài chính. Vì thế, công ty cần sửa đổi cách tính khấu hao: áp dụng tính khấu hao cho TSCĐ bắt đầu từ ngày nó được đưa vào sản xuất kinh doanh và ngừng trích khấu hao tại ngày TSCĐ ngưng sử dụng tại doanh nghiệp đối với TSCĐ được nhượng bán, thanh lý.

Như trường hợp TSCĐ là phương tiện khai thác là máy xúc KOMATSU được mua vào ngày 14/12/2012 có nguyên giá 612.000.000 VNĐ, được tính khấu hao trong 8 năm sẽ được tính khấu hao như sau:

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao trung bình năm của TSCĐ} &= \frac{612.000.000}{8} \end{aligned}$$

$$= 76.500.000$$

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao trung bình tháng của TSCĐ} &= \frac{76.500.000}{12} \end{aligned}$$

$$= 6.375.000$$

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao trung bình tháng 12 của TSCĐ} &= \frac{6.375.000 \times 18}{31} \end{aligned}$$

$$= 3.701.613$$

Tương tự đối với trường hợp bán máy cắt đá MT412 vào ngày 11 tháng 12 năm 2012 thì kế toán sẽ tính khấu hao cho 10 ngày đầu tháng. Khi đó khấu hao tháng 12 của máy cắt đá sẽ là:

$$\begin{aligned} \text{Mức khấu hao trung bình tháng 12 của TSCĐ} &= \frac{5.625.000 \times 10}{31} \end{aligned}$$

$$= 1.814.516$$

Bảng tính khấu hao TSCĐ tháng 12 sẽ thay đổi như sau (Bảng 2.25 Bảng tính khấu hao TSCĐ):

Bảng 2.25 Bảng tính và phân bổ khấu hao

Đơn vị : Công ty CP Đá Spilit

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 Năm 2012

(Đơn vị: đồng)

Tên tài sản	Số thẻ	Ngày tăng	Ngày KH	Nguyên giá đầu kỳ	Đã khấu hao	Còn lại	Số tháng khấu hao	KH trong kỳ		Nguyên giá cuối kỳ
								6274	6424	
Máy xúc PC200	03	2/7/2009	1/7/2009	604.000.000	302.000.000	302.000.000	84	7.190.476		604.000.000
Máy cắt đá	06	10/4/2010	1/4/2010	472.500.000	181.814.516	290.685.484	84	1.814.516		0
...										
Máy xúc KOMATSU	44	14/12/2012	14/12/2012	612.000.000	3.701.613	608.298.387	96	3.701.613		612.000.000
Máy móc thiết bị				6.052.149.091	774.970.889	4.804.678.202		85.800.554		5.579.649.091
Nhà văn phòng	04	1/7/2009	1/7/2009	40.000.000	14.000.000	26.000.000	120		333.333	40.000.000
Khung nhà thép	15	26/11/2010	1/12/2010	68.640.000	23.833.333	44.806.667	72	953.333		68.640.000

...										
Nhà cửa vật kiến trúc				7.947.188.000	499.320.261	7.447.867.739		1.639.733	89.573.808	7.947.188.000
Xe IFA	07	8/4/2010	1/4/2010	270.000.000	123.750.000	146.250.000	72	3.750.000		270.000.000
...										
Phương tiện vận tải				698.342.000	184.838.085	513.503.915		8.059.461		698.342.000
Trang thiết bị văn phòng	17	8/2/2012	1/2/2012	20.500.000	6.263.889	14.236.111	36		569.444	20.500.000
...										
Thiết bị quản lý				251.717.273	16.875.000	234.842.273			5.946.073	251.717.273
Tổng cộng				14.949.396.364	1.476.004.235	13.000.892.129		95.499.748	95.519.881	14.476.896.364

Người lập bảng:

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng:

(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập và nghiên cứu làm khóa luận tại công ty CP Đá Spilit, em đã nhận thấy những mặt còn hạn chế cũng như những điểm mạnh của công tác kế toán TSCĐ của công ty. Vận dụng những kiến thức đã học tại trường Đại học Thăng Long cùng với một số tài liệu tham khảo, sự quan tâm giúp đỡ nhiệt tình của cán bộ công nhân viên công ty, đặc biệt là sự quan tâm hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo, Thạc sỹ Nguyễn Thanh Thủy, em đã hoàn thiện khóa luận với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần đá Spilit”.

Do tính chất phức tạp của vấn đề cũng như năng lực học vấn và nhận thức vấn đề của em còn hạn chế nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo từ thầy cô cũng như sự đóng góp của các bạn để hoàn thiện hơn nữa đề tài của mình.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo, giảng viên trường Đại học Thăng Long đã giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập. Đặc biệt, em gửi lời cảm ơn tới cô giáo, Thạc sỹ Nguyễn Thanh Thủy đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành khóa luận.

Đồng thời, em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các bác, các cô, các chú, anh, chị trong Công ty CP Đá Spilit đã tạo điều kiện cho em có cơ hội thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty để em có thể hoàn thành khóa luận này.

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Văn Hiếu

TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	Tên tài liệu
1	Kê toán doanh nghiệp sản xuất 1. Biên soạn: TS. Phạm Thị Hoa, trường Đại học Thăng Long
2	Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006 về việc ban hành chế độ kế toán trong doanh nghiệp.
3	Luận văn các khóa trường Đại học Thăng Long
4	Thông tư số 45/2013/TT-BTC của bộ tài chính ngày 25/04/2013
5	Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam